

*Hưng Yên, ngày 06 tháng 12 năm 2019*

**NGHỊ QUYẾT  
Về nhiệm vụ kế hoạch đầu tư công năm 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN  
KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ MƯỜI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 25/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1704/QĐ-TTg ngày 29/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ về giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2020 tỉnh Hưng Yên;

Xét Báo cáo số 216/BC-UBND ngày 30/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019 và dự kiến kế hoạch năm 2020, Báo cáo thẩm tra số 619/BC-KTNS ngày 03/12/2019 của Ban Kinh tế Ngân sách; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020, như sau:

1. Tổng nguồn vốn đầu tư công kế hoạch năm 2020 là **3.346,104** tỷ đồng, bao gồm:

- Nguồn vốn ngân sách tập trung 635,154 tỷ đồng (cấp tỉnh: 506,654 tỷ đồng, cấp huyện 128,5 tỷ đồng).

- Nguồn thu từ tiền sử dụng đất 2.095 tỷ đồng (cấp tỉnh: 568,35 tỷ đồng; cấp huyện 970,65 tỷ đồng; cấp xã 556 tỷ đồng).

- Nguồn thu tiền xô số kiến thiết 11 tỷ đồng.

- Nguồn vốn ngân sách trung ương 605 tỷ đồng; gồm: Vốn đầu tư theo các Chương trình mục tiêu: 197,7 tỷ đồng; vốn Chương trình mục tiêu quốc gia 224,45 tỷ đồng; nguồn dự phòng chung vốn NSTW là 80 tỷ đồng; vốn nước ngoài 102,8 tỷ đồng.

## **2. Nguyên tắc phân bổ**

### **2.1. Nguyên tắc chung:**

- Việc xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2020 thực hiện theo đúng các quy định của Luật Đầu tư công, các Nghị định của Chính phủ số: 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015, số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 và số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/ 2015; Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 25/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2020; Nghị quyết số 10/2015/NQ-HĐND ngày 04/8/2015 của HĐND tỉnh.

- Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách nhà nước năm 2020 được xây dựng trên cơ sở các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020; phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch.

- Kế hoạch đầu tư công năm 2020 được xây dựng trên cơ sở tiếp tục cơ cấu lại đầu tư từ ngân sách nhà nước theo hướng khắc phục dàn trải, nâng cao hiệu quả đầu tư, đặc biệt là việc khắc phục dứt điểm tình trạng nợ đọng vốn xây dựng cơ bản, nhất là nợ xây dựng cơ bản của cấp huyện, cấp xã trong xây dựng nông thôn mới.

- Việc phân bổ vốn cho các dự án phải đảm bảo phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân trong năm 2020. Tổng mức kế hoạch vốn đầu tư nguồn NSNN năm 2020 dự kiến bố trí cho từng ngành, lĩnh vực, dự án không vượt quá số vốn còn lại của kế hoạch vốn đầu tư trung hạn 2016 - 2020 sau khi trừ đi số vốn đã bố trí trong kế hoạch từ năm 2016 - 2019.

### **2.2. Nguyên tắc phân bổ cụ thể:**

- Bố trí đủ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2020 để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản còn lại chưa thanh toán; vốn cho dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn; vốn cho các nhiệm vụ quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch và các Nghị định của Chính phủ có liên quan.

- Bố trí vốn dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ.

- Đối với các dự án khởi công mới, chi bố trí vốn kế hoạch năm 2020 cho các dự án thật sự cần thiết đáp ứng đủ các điều kiện: (i) Đã được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020; (ii) Đến ngày 31 tháng 10 năm 2019 có quyết định đầu tư dự án theo đúng quy định; (iii) Đối với dự án chuẩn bị đầu tư phải có Quyết định phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư trước ngày 31 tháng 10 năm 2019.

## **3. Phương án phân bổ**

Tổng số vốn đầu tư công năm 2020 là **3.346,104 tỷ đồng**

*(Phụ lục số 01 chi tiết kèm theo).*

Phân cấp nguồn vốn đầu tư như sau:

**3.1. Nguồn vốn thuộc cấp tỉnh quản lý: 1.690,954 tỷ đồng, bao gồm:**

- Nguồn vốn ngân sách tập trung 506,654 tỷ đồng, phân bổ: Đầu tư các công trình hoàn thành 56,8 tỷ đồng; đầu tư các công trình chuyển tiếp là 218,763 tỷ đồng; phân bổ cho các dự án khởi công mới 205,743 tỷ đồng; phân bổ các chương trình, đề án, quy hoạch 25,348 tỷ đồng.

- Nguồn thu tiền sử dụng đất cấp tỉnh quản lý 568,35 tỷ đồng, trong đó: Đầu tư các dự án do Ban Quản lý Khu Đại học Phố Hiến làm chủ đầu tư 220 tỷ đồng; đầu tư các dự án hoàn thành, chuyển tiếp, các dự án mới, các chương trình, đề án 348,35 tỷ đồng.

- Nguồn thu xổ số kiến thiết 11 tỷ đồng, phân bổ đầu tư cho các dự án thuộc lĩnh vực giáo dục.

- Vốn ngân sách trung ương 605 tỷ đồng, gồm:

+ Vốn đầu tư thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới 224,45 tỷ đồng;

+ Vốn đầu tư theo chương trình mục tiêu 197,7 tỷ đồng; vốn nước ngoài 102,8 tỷ đồng; nguồn dự phòng chung vốn NSTW 80 tỷ đồng (*UBND tỉnh thống nhất với Thường trực HĐND tỉnh phân bổ chi tiết cho các dự án khi có quyết định của Bộ Kế hoạch và đầu tư*).

### **3.2. Nguồn vốn đầu tư thuộc cấp huyện, cấp xã quản lý: 1.655,15 tỷ đồng**

- Nguồn vốn ngân sách tập trung tỉnh phân cấp: 128,5 tỷ đồng.

- Nguồn thu tiền sử dụng đất cấp huyện, xã quản lý: 1.526,65 tỷ đồng.

*(Phụ lục 2,3,4,5,6,7,8 chi tiết kèm theo).*

**Điều 2.** Giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh ủy quyền cho Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết các trường hợp thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh trong việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020 (nếu có); quyết định danh mục các dự án chuẩn bị đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư và thống nhất phân bổ chi tiết một số nguồn vốn bổ sung, tăng thu (nếu có), các nguồn vốn chưa được cấp có thẩm quyền phân bổ chi tiết; kết quả báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Hội đồng nhân dân giao Uỷ ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết này; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức thực hiện, định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh và chỉ đạo thực hiện đúng các quy định của Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 và kế hoạch năm 2020.

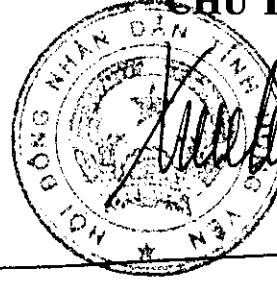
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVI, Kỳ họp thứ Mười thông qua ngày 06/12/2019 và có hiệu lực kể từ ngày ký./. *Xuân*

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND huyện, thị xã, TP;
- Lãnh đạo, CV Văn phòng;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Hưng Yên;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Đỗ Xuân Tuyên**

**Phụ lục số 01**

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 238/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>3.346.104</b>	
<b>A</b>	<b>NGUỒN VỐN CẤP TỈNH QUẢN LÝ</b>	<b>1.690.954</b>	
1	Vốn ngân sách tập trung	506.654	
a	<i>Đầu tư các công trình hoàn thành</i>	56.800	
b	<i>Đầu tư các công trình chuyển tiếp</i>	218.763	
c	<i>Phân bổ cho các dự án khởi công mới</i>	205.743	
d	<i>Phân bổ các chương trình, đề án, quy hoạch</i>	25.348	
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất	568.350	
a	<i>Đầu tư các dự án Khu Đại học Phố Hiến</i>	220.000	
b	<i>Đầu tư các dự án hoàn thành, chuyển tiếp, các dự án mới, các chương trình, đề án</i>	348.350	
3	Nguồn thu xổ số kiến thiết	11.000	
4	Vốn ngân sách trung ương	604.950	
a	<i>Vốn trong nước</i>	502.150	
-	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	224.450	
-	Vốn đầu tư theo chương trình mục tiêu	197.700	
-	Dự phòng chung vốn ngân sách trung ương và nguồn 10.000 tỷ đồng điều chỉnh giảm nguồn vốn dự kiến bố trí cho các dự án quan trọng quốc gia	80.000	
b	<i>Vốn nước ngoài (ODA)</i>	102.800	
<b>B</b>	<b>NGUỒN VỐN CẤP HUYỆN QUẢN LÝ</b>	<b>1.099.150</b>	
1	Nguồn vốn ngân sách tập trung tinh phân cấp	128.500	
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất	970.650	
<b>C</b>	<b>NGUỒN VỐN CẤP XÃ QUẢN LÝ</b>	<b>556.000</b>	
1	Nguồn thu tiền sử dụng đất	556.000	

## Phụ lục số 02

## DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2020

(Nguồn vốn ngân sách tập trung, thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết)

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2020				Ghi chú	
			Tổng số vốn	Trong đó:				
				Nguồn NTT	Nguồn thu tiền SD đất	Nguồn XSKT		
1	2	3	4	5	6	7	8	
<b>TỔNG SỐ</b>			<b>684.804</b>	<b>506.654</b>	<b>167.150</b>	<b>11.000</b>		
<b>A</b>	<b>ĐÓI ỨNG DỰ ÁN ODA</b>		<b>18.141</b>	<b>3.000</b>	<b>15.141</b>	<b>-</b>		
1	Dự án phát triển cơ sở hạ tầng thủy lợi huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	2080/QĐ-UBND ngày 17/9/2019	3.000	3.000				
2	Dự án Phát triển toàn diện kinh tế xã hội các đô thị Việt Trì, Hưng Yên và Đồng Đăng - hợp phần dự án tại TP Hưng Yên	2381/QĐ-UBND ngày 30/12/2011	15.141		15.141			
<b>B</b>	<b>ĐẦU TƯ CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN</b>		<b>666.663</b>	<b>503.654</b>	<b>152.009</b>	<b>11.000</b>		
<b>I</b>	<b>NGÀNH NÔNG NGHIỆP, THỦY LỢI</b>		<b>78.802</b>	<b>67.825</b>	<b>10.977</b>	<b>-</b>		
a	<b>Dự án hoàn thành</b>		<b>7.425</b>	<b>7.425</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		
1	Dự án di dân TĐC vùng nguy cơ sạt lở xã Văn Nhuệ, huyện Ân Thi	4042/QĐ-UB ngày 28/10/2005; 2173/QĐ-UBND ngày 16/11/2007; 2425/QĐ-UBND ngày 27/11/2009	0,672	0,672				
2	Dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp trạm bơm Phan Đình Phùng, huyện Mỹ Hào	1214/QĐ-UBND ngày 03/7/2012	4.515	4.515				
3	Trạm bơm không ống cột nước tháp Đàm Sen, huyện Yên Mỹ	2910/QĐ-UBND ngày 31/10/2017; 2979/QĐ-UBND ngày 19/12/2018	171	171				
4	Trạm bơm không ống cột nước tháp tưới cấp nguồn và tiêu Công Bún, huyện Ân Thi	2682/QĐ-UBND ngày 11/10/2017; 2980/QĐ-UBND ngày 19/12/2018	209	209				
5	Đầu tư xây dựng Trạm bơm không ống cột nước tháp tưới cấp nguồn và tiêu Bích Tràng, huyện Ân Thi	2683/QĐ-UBND ngày 11/10/2017; 2978/QĐ-UBND ngày 19/12/2018	222	222				
6	Công trình Trạm bơm không ống cột nước tháp tưới cấp nguồn và tiêu Võng Phan, huyện Phù Cừ	2681/QĐ-UBND ngày 11/10/2017; 1543/QĐ-UBND ngày 19/7/2019	433	433				
7	Trạm bơm không ống cột nước tháp Cửa Gàn, thành phố Hưng Yên	2909/QĐ-UBND ngày 31/10/2017; 1542/QĐ-UBND ngày 19/7/2019	324	324				
8	Dự án đầu tư xây dựng trạm bơm Vinh Quang, huyện Mỹ Hào	2020/QĐ-UBND ngày 15/10/2010	1.550	1.550				
b	<b>Dự án chuyển tiếp</b>		<b>9.000</b>	<b>4.000</b>	<b>5.000</b>	<b>-</b>		
1	Kè mói sông Hòa Bình đoạn qua thành phố Hưng Yên	384/QĐ-UBND ngày 08/2/2010; 1357/QĐ-UBND ngày 11/8/2011; 2708/QĐ-UBND ngày 29/11/2019	9.000	4.000	5.000			
c	<b>Dự án khởi công mới</b>		<b>62.377</b>	<b>56.400</b>	<b>5.977</b>	<b>-</b>		
1	Công trình cải tạo trạm bơm Văn Giang A cũ	2290/QĐ-UBND ngày 14/10/2019	12.000	12.000				
2	Công trình cải tạo cầu cống Ngô Xuyên trên sông Đinh Dù, huyện Văn Lâm	2412/QĐ-UBND ngày 23/10/2019	11.000	11.000				

TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2020				Ghi chú	
			Tổng số vốn	Trong đó:				
				Nguồn NTT	Nguồn thu tiền SD đất	Nguồn XSKT		
1	2	3	4	5	6	7	8	
3	Bờ bao kênh xả tiêu trạm bơm Bảo Khe, thành phố Hưng Yên	2473/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	8.000	8.000				
4	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng và hệ thống kênh thủy lợi phục vụ chống úng vùng nông nghiệp chuyền đổi xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu	2481/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	6.000	4.000	2.000			
5	Trạm bơm Hòa Đam 1 xã Hòa Phong, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	2474/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	12.000	12.000				
6	Kênh tưới trạm bơm Cống Bún xã Đào Dương, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	2472/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	5.977	2.000	3.977			
7	Công trình Trạm bơm không ống cột nước thấp tưới, tiêu và cấp nguồn Tiên Kiều, huyện Ân Thi	2291/QĐ-UBND ngày 14/10/2019	7.400	7.400				
<b>II NGÀNH GIAO THÔNG</b>			<b>377.376</b>	<b>282.844</b>	<b>94.532</b>	-		
<b>a</b>	<b>Dự án hoàn thành</b>		<b>5.386</b>	<b>5.386</b>	-	-		
1	Tuyến đường bộ nối đường trực kinh tế Bắc Nam tỉnh Hưng Yên với ĐT 281 tỉnh Bắc Ninh	1747/QĐ-UBND ngày 14/10/2011; 3131/QĐ-UBND ngày 28/12/2018	1.000	1.000				
2	Đường gom và đường nội bộ cụm công nghiệp Như quỳnh - Tân quang	4631/QĐ-UBND ngày 13/12/2005; 3134/QĐ-UBND ngày 28/12/2018	147	147				
3	Đầu tư xây dựng cầu Tam Nông, xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ	1872/QĐ-UBND ngày 04/10/2013	2.700	2.700				
4	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.12B (đoạn từ Km0+000 đến Km0+610 và từ Km2+260 đến Km3+920), huyện Văn Lâm	2321/QĐ-UBND ngày 26/10/2016; 2932/QĐ-UBND ngày 08/12/2016	619	619				
5	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.99 (đoạn từ UBND xã Cương Chính đến giao với ĐT.378)	1417/QĐ-UBND ngày 24/5/2017	920	920				
<b>b</b>	<b>Dự án chuyển tiếp</b>		<b>168.148</b>	<b>133.116</b>	<b>35.032</b>	-		
1	Dự án đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp ĐT.382 (199 cũ) Km0+00 - Km8+07	2148/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	4.150		4.150			
2	Đường trực kinh tế bắc nam tỉnh Hưng Yên, đoạn từ đường sắt (xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm) đến cầu vượt QL5	2229/QĐ-UBND ngày 30/10/2010; 452/QĐ-UBND ngày 29/02/2016	2.432		2.432			
3	Đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.56 đoạn từ Km0+000 đến Km3+500 (Đốc Bá- Bến đò Đông Ninh), huyện Khoái Châu	1652/QĐ-UBND ngày 08/8/2016	1.964	1.964				
4	Đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.64 qua địa bàn huyện Phù Cừ	1838/QĐ-UBND ngày 25/8/2016	972	972				
5	Đầu tư xây dựng đường quy hoạch số 4 thị trấn Yên Mỹ, huyện Yên Mỹ, giai đoạn 1	2372/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	2.859	2.859				
6	Đường nối Cụm công nghiệp Tân Quang với Quốc lộ 5 (đoạn từ đường trực chính cụm Công nghiệp Tân Quang đến Công ty cổ phần cơ khí xây dựng công trình I)	2375/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	5.881	5.881				
7	Đoạn tuyến nối ĐT.379 với QL.39 và đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, huyện Khoái Châu	2403/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	19.300	19.300				
8	Đầu tư xây dựng công trình đường quy hoạch số 1, huyện Yên Mỹ	1231/QĐ-UBND ngày 28/4/2017	3.216	3.216				
9	Đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp đường ĐH.31 và đoạn đầu tuyến ĐH.30, huyện Mỹ Hào	1134/QĐ-UBND ngày 12/4/2017	2.900	2.900				
10	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.87 huyện Phù Cừ đoạn từ QL.38B (Km0+000) - ĐT.386 (Km4+100)	2826/QĐ-UBND ngày 25/10/2017	5.255	5.255				
11	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.58, huyện Khoái Châu	2880/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	7.900	7.900				

TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2020				Ghi chú	
			Tổng số vốn	Trong đó:				
				Nguồn NTT	Nguồn thu tiền SD đất	Nguồn XSKT		
1	2	3	4	5	6	7	8	
12	Xây dựng cầu Cáp trên ĐH.82, huyện Phù Cừ	1987/QĐ-UBND ngày 14/7/2017	473	473				
13	Cải tạo, nâng cấp ĐH.24 huyện Văn Giang (đoạn từ K0+00 đến K2+800 và đoạn từ Km4+900 đến Km7+100)	2848/QĐ-UBND ngày 27/10/2017	12.281	4.831	7.450			
14	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.15, huyện Văn Lâm (đoạn từ Km4+216-Km9+260 theo lý trình mới)	2677/QĐ-UBND ngày 11/10/2017	2.775	2.775				
15	Đường nối khu di tích quốc gia Chùa Nôm - Hưng Yên với cụm di tích quốc gia Kinh Dương Vương - Bắc Ninh, đoạn trên địa phận tỉnh Hưng Yên	1807/QĐ-UBND ngày 23/6/2017	4.570	4.570				
16	Cải tạo, nâng cấp ĐT.383, huyện Khoái Châu đoạn K0+00 (QL.39) - Km 4+500 (giao với ĐH.57)	2887/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	14.000	14.000				
17	Cải tạo, nâng cấp ĐH.64, huyện Ân Thi	2741/QĐ-UBND ngày 18/10/2017; 2576/QĐ-UBND ngày 19/10/2018	8.625	8.625				
18	Cải tạo, nâng cấp ĐH.72, ĐH 74 huyện Kim Động	2886/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	6.000		6.000			
19	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.92 đoạn từ Km0+385 đến Km5+100, huyện Tiên Lữ	2877/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	2.770	2.770				
20	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trục trung tâm phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên	2608/QĐ-UBND ngày 27/9/2017	4.675	4.675				
21	Cải tạo, nâng cấp ĐH.59B, huyện Khoái Châu	2827/QĐ-UBND ngày 25/10/2017	11.000	11.000				
22	Đầu tư xây dựng công trình cầu Hồng Tiên tại Km8+920 trên ĐT.384 (đường 204 cũ)	2175/QĐ-UBND ngày 01/8/2017	4.000	4.000				
23	Đường nối khu A, B Cụm Công nghiệp Tân Quang với quốc lộ 5, huyện Văn Lâm	2878/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	12.000	5.000	7.000			
24	Đường quy hoạch số 4, huyện Yên Mỹ (giai đoạn II)	2870/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	1.500	1.500				
25	Đường trong Cụm Công nghiệp Tân Quang, huyện Văn Lâm (đoạn từ Công ty EVERPIA TSC đến Công ty Hữu Nghị)	2740/QĐ-UBND ngày 18/10/2017	650	650				
26	Đầu tư xây dựng công trình cầu qua sông Bắc Hưng Hải, thôn Lôi Cầu, xã Việt Hòa, huyện Khoái Châu	2652/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	6.000		6.000			
27	Xây dựng đường quy hoạch số 1 kéo dài và đường quy hoạch số 7 huyện Yên Mỹ	2319/QĐ-UBND ngày 14/9/2018	20.000	18.000	2.000			
c	Dự án khởi công mới		203.842	144.342	59.500	-		
1	Dự án cải tạo, nâng cấp ĐT.380 đoạn Km2 +910 đến Km7+000	1710/QĐ-UBND 08/8/2019	30.000	30.000				
2	Dự án cải tạo, nâng cấp ĐT.385 Km7+750 - Km16+370 (Đốc Nghĩa -Lương Tài)	1711/QĐ-UBND ngày 08/08/2019	19.000	15.000	4.000			
3	Dự án nâng cấp mở rộng đường gom (bên phải) đường cao tốc Hà Nội- Hải Phòng (đoạn từ giao với ĐT.376 giao với QL.38)	1887/QĐ-UBND ngày 27/8/2019	15.000	15.000				
4	Dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo nâng cấp đường giao thông đoạn nối ĐH.66 xã Hồ Tùng Mậu huyện Ân Thi đến điểm giao ĐH.60 xã Chính Nghĩa huyện Kim Động	1712/QĐ-UBND ngày 08/8/2019	13.000	10.000	3.000			
5	Dự án đầu tư xây dựng công trình kết nối đường trục trung tâm đô thị Mỹ Hào đến QL38 (đoạn thuộc thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên)	2041/QĐ-UBND ngày 21/10/2019	10.000	10.000				
6	Cải tạo, nâng cấp ĐT.385 đoạn km0+450 - Km1+300, huyện Văn Lâm	791/QĐ-UBND ngày 20/3/2019	12.342	10.342	2.000			
7	Đầu tư xây dựng công trình cầu bắc qua sông Bản Lẽ trên ĐH.95	2343/QĐ-UBND ngày 17/8/2017	5.000		5.000			

TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2020				Ghi chú	
			Tổng số vốn	Trong đó:				
				Nguồn NSTT	Nguồn thu tiền SD đất	Nguồn XSKT		
1	2	3	4	5	6	7	8	
8	Đường trục xã Bảo Khê giai đoạn 2 (đoạn từ ngã tư trường THCS Bảo Khê đến đường vào nhà máy xử lý nước thải HY1)	2406/QĐ-UBND ngày 22/10/2019	6.000		6.000			
9	Cải tạo, nâng cấp ĐH.72 địa phận thành phố Hưng Yên (đoạn từ giáp ranh Lê Như Hồ đến ngã ba Cu Tué)	1107/QĐ-UBND ngày 15/5/2019	8.000	4.000	4.000			
10	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường Chùa Chuông, Bãi Sậy thành phố Hưng Yên	2378/QĐ-UBND ngày 18/10/2019	8.000	4.000	4.000			
11	Cải tạo, nâng cấp ĐH.80 đoạn từ ngã tư cầu Nhật Quang (Km2+610) đến giáp địa phận xã Tống Trần (Km7+920), huyện Phù Cừ	3627/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	17.000	11.000	6.000			
12	Cải tạo nâng cấp đường giao thông trên địa bàn huyện Kim Động - Đoạn tuyến từ ĐH.73 thuộc xã Đồng Thanh, huyện Kim Động đến điểm nối với ĐH.59B xã Nhuế Dương, huyện Khoái Châu	2462/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	8.000	8.000				
13	Xây dựng tuyến ĐH.13 kéo dài (đoạn từ ĐT.385 đến giáp địa phận tỉnh Bắc Ninh)	2484/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	12.500	9.000	3.500			
14	Đường trục liên xã Hùng Cường - Phú Cường (đoạn từ nhà ông Cự, xã Hùng Cường đến nhà ông Mạnh xã Phú Cường)	2505/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	5.000		5.000			
15	Cải tạo, nâng cấp ĐH.51 (đoạn từ bến đò Phương Trù đến ĐT.378)	5885/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	7.000		7.000			
16	Đường trục xã Tân Việt (Đoạn 1 từ đường ĐT.376 đến cổng làng Yên Đô; đoạn 2 từ đường ĐT.382 đến cổng nhà Mạc)	2471/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	8.000	8.000				
17	Cải tạo, nâng cấp ĐT.376 cũ đoạn qua thị trấn Ân Thi từ lý trình km17+400 (ngã tư Bưu điện) đến km19+000 (ngã tư Bình Trị)	2668/QĐ-UBND ngày 14/10/2018	20.000	10.000	10.000			
III	Y TẾ		19.045	6.045	13.000	-		
a	Dự án hoàn thành		4.245	4.245	-	-		
1	Xây dựng Trung tâm Y tế huyện Phù Cừ	1032/QĐ-UBND ngày 21/5/2009; 2009/QĐ-UBND ngày 09/9/2019	3.143	3.143				
2	Trụ sở làm việc Trung tâm Pháp y tinh Hưng Yên (giai đoạn 1)	2864/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	606	606				
3	Xây dựng hạ tầng Trung tâm y tế huyện Khoái Châu	666/QĐ-UBND ngày 30/3/2016; 2981/QĐ-UBND ngày 19/12/2018	496	496				
b	Dự án chuyển tiếp		1.800	1.800	-	-		
1	Trạm y tế xã Đức Hợp, huyện Kim Động	82/QĐ-UBND ngày 14/11/2018	1.800	1.800				
c	Dự án khởi công mới		13.000	-	13.000	-		
1	Cải tạo, nâng cấp mở rộng bệnh viện bệnh nhiệt đới, trực thuộc Sở Y tế	2510/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	9.000		9.000			
2	Nhà khoa khám bệnh và điều trị ngoại trú Trung tâm y tế huyện Ân Thi	2466/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	4.000		4.000			
IV	GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO; KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG		34.126	34.126	-	-		
a	Dự án hoàn thành		9.026	9.026	-	-		
1	Xây dựng các phần mềm dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2013-2015	1727/QĐ-UBND ngày 20/10/2014	84	84				
2	Nhà lớp học bộ môn Trường THPT Nam Khoái Châu	1523/QĐ-UBND ngày 12/9/2014	97	97				

TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2020				Ghi chú
			Tổng số vốn	Trong đó:			
1	2	3	4	5	6	7	8
3	Cải tạo, nâng cấp trường THPT Kim Động, huyện Kim Động	2150/QĐ-UBND ngày 28/10/2010	218	218			
4	Nhà lớp học lý thuyết, san nền, tường rào và công trình phụ trợ - Trường THPT Trần Hưng Đạo	1874/QĐ-UBND ngày 24/10/2012; 1534/QĐ-UBND ngày 13/8/2015	300	300			
5	Nhà lớp học Trường THPT Hoàng Hoa Thám	1959/QĐ-UBND ngày 21/10/2008	413	413			
6	Nhà lớp học lý thuyết và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Mỹ Hào	2166/QĐ-UBND ngày 30/10/2015;	169	169			
7	Xây dựng Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp thành phố Hưng Yên	325/QĐ-UBND ngày 09/3/2012	445	445			
8	Trường Tiểu học Tân Việt	2376/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	1.000	1.000			
9	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016-2020	1186/QĐ-UBND ngày 21/4/2017	6.300	6.300			
b	Dự án chuyển tiếp		20.100	20.100	-	-	
1	Chinh trang, cải tạo hệ thống thoát nước khu vực nội thị đô thị Mỹ Hào - huyện Mỹ Hào - tỉnh Hưng Yên	2364/QĐ-UBND ngày 15/8/2018	20.100	20.100			
c	Dự án khởi công mới		5.000	5.000	-	-	
1	Nhà lớp học lý thuyết, xưởng thực hành Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên thị xã Mỹ Hào	2476/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	5.000	5.000			
V	<b>VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH</b>		6.000	6.000	-	-	
a	Dự án hoàn thành		6.000	6.000	-	-	
1	Dự án đầu tư xây dựng công trình Chinh trang, tu bổ Khu lưu niệm Tổng Bí Thư Nguyễn Văn Linh	781/QĐ-UBND ngày 21/4/2016	6.000	6.000			
VI	<b>TRỤ SỞ LÀM VIỆC CÁC CƠ QUAN</b>		16.075	16.075	-	-	
a	Dự án hoàn thành		7.275	7.275	-	-	
1	Nhà làm việc liên cơ quan thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1762/QĐ-UBND ngày 20/10/2011	96	96			
2	Trụ sở làm việc huyện ủy Mỹ Hào	2922/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	3.860	3.860			
3	Cải tạo, xây dựng hợp khối Nhà khách Tỉnh ủy	2400/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	1.898	1.898			
4	Mở rộng trụ sở làm việc Sở Giáo dục và Đào tạo	2326/QĐ-UBND ngày 27/10/2016	568	568			
5	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Sở Khoa học và Công nghệ - Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	2059/QĐ-UBND ngày 26/9/2016; 344/QĐ-UBND ngày 23/01/2019	664	664			
6	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	2353/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	189	189			
b	Dự án chuyển tiếp		8.800	8.800	-	-	
1	Cải tạo, xây dựng hợp khối nhà làm việc các Ban Đảng Tỉnh ủy	3074/QĐ-UBND ngày 23/11/2017	8.800	8.800			
VII	<b>CÔNG TRÌNH CỘNG CỘNG, HỖ TRỢ AN NINH, QUỐC PHÒNG</b>		21.867	11.367	10.500	-	
a	Dự án hoàn thành		2.967	2.967	-	-	
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật công trình tượng đài Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh	2036/QĐ-UBND ngày 25/10/2013; 2226/QĐ-UBND ngày 13/10/2016;	91	91			
2	Trung tâm hội nghị tỉnh Hưng Yên	2087/QĐ-UBND ngày 25/10/2010; 2368/QĐ-UBND ngày 12/12/2013	1.472	1.472			

TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2020				Ghi chú
			Tổng số vốn	Trong đó:			
1	2	3	4	5	6	7	8
3	Đầu tư xây dựng công trình Khối nhà phục vụ Trung tâm hội nghị tỉnh Hưng Yên	1157/QĐ-UBND ngày 26/6/2015; 1273/QĐ-UBND ngày 07/6/2019	1.403	1.403			
b	Dự án chuyển tiếp sang năm 2020		18.900	8.400	10.500	-	
1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình Nhà ăn Công an tỉnh Hưng Yên	2552/QĐ-UBND ngày 17/10/2018	5.400	5.400			
2	Hỗ trợ đầu tư Trung tâm giáo dục Quốc phòng và An ninh tinh gắn với Trường Quân sự tỉnh	2917/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	3.000	3.000			
3	Khu dân cư đầu giá phường An Tảo	2480/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	10.500		10.500		
VIII	QUY HOẠCH		20.000	20.000	-	-	
1	Lập quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045	2945/QĐ-UBND ngày 14/12/2018	20.000	20.000			
IX	ĐÓI ỨNG DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU CỦA CHÍNH PHỦ		57.024	54.024	3.000	-	
a	Dự án hoàn thành		11.646	11.646	-	-	
1	Xây dựng Bảo tàng tỉnh Hưng Yên	1917/QĐ-UBND ngày 29/10/2012	813	813			
2	Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện Đa khoa Phố Nối (giai đoạn II)	2173/QĐ-UBND ngày 21/10/2009	9.690	9.690			
3	Dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng Bệnh viện Mắt Hưng Yên	1838/QĐ-UBND ngày 02/10/2013	1.143	1.143			
b	Dự án chuyển tiếp		45.378	42.378	3.000		
1	Dự án cải tạo, nâng cấp ĐT.387 (Lương Tài – Bãi Sậy)	2277/QĐ-UBND ngày 21/10/2016; 2541/QĐ-UBND ngày 19/9/2017	14.378	14.378			
2	Dự án Cải tạo, nạo vét hệ thống công trình sau đầu mối trạm bơm La Tiến, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên	667/QĐ-UBND ngày 30/3/2016; 2579/QĐ-UBND ngày 26/9/2017; 3024/QĐ-UBND ngày 25/12/2018	3.000		3.000		
3	Đầu tư nâng cấp, mở rộng và mua sắm trang thiết bị y tế Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Hưng Yên	2278/QĐ-UBND ngày 21/10/2016; 2581/QĐ-UBND ngày 26/9/2017	17.000	17.000			
4	Trung tâm phòng, chống HIV/AIDS và các bệnh nhiệt đới tỉnh Hưng Yên	2279/QĐ-UBND ngày 21/10/2016; 2580/QĐ-UBND ngày 26/9/2017; 920/QĐ-UBND ngày 10/4/2019	5.000	5.000			
5	Nâng cấp đường dọc sông, kè chống sạt lở và nạo vét sông Cầu Treo, huyện Yên Mỹ	2273/QĐ-UBND ngày 21/10/2016	6.000	6.000			
IX	HỖ TRỢ CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN		36.348	5.348	20.000	11.000	
a	Hỗ trợ Đề án phát triển kinh tế vùng bãi		5.348	5.348	-	-	
	Dự án hoàn thành		348	348	-	-	
1	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT tại 03 xã: Đại Tập, huyện Khoái Châu; Phú Thịnh, huyện Kim Động; Hùng Cường, thành phố Hưng Yên	2643/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	348	348			

TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2020				Ghi chú	
			Tổng số vốn	Trong đó:				
				Nguồn NTT	Nguồn thu tiền SD đất	Nguồn XSKT		
1	2	3	4	5	6	7	8	
	<b>Dự án khởi công mới</b>		<b>5.000</b>	<b>5.000</b>	-	-		
1	Công trình cải tạo, nâng cấp đường GTNT tại 03 xã: Thắng Lợi, huyện Văn Giang; Hùng An, Mai Động, huyện Kim Động; Hoàng Hanh, thành phố Hưng Yên theo đề án phát triển kinh tế vùng bắc	2223/QĐ-UBND ngày 02/10/2019; 2444/QĐ-UBND ngày 25/10/2019	5.000	5.000				
b	<b>Hỗ trợ xây dựng công trình giáo dục (nguồn XSKT)</b>		<b>11.000</b>	-	-	<b>11.000</b>		
	<b>Trả nợ dự án do hụt thu XSKT năm 2017</b>		<b>1.000</b>	-	-	<b>1.000</b>		
1	Trường THCS Minh Phượng, huyện Tiên Lữ (Hạng mục: Nhà hiệu bộ và các phòng chức năng)	42a/QĐ-UBND ngày 29/10/2015	1.000			1.000		
	<b>Các dự án chuyển tiếp</b>		<b>10.000</b>	-	-	<b>10.000</b>		
1	Trường Trung học cơ sở xã Tân Việt, huyện Yên Mỹ	2844/QĐ-UBND ngày 27/10/2017	3.300			3.300		
2	Trường mầm non trung tâm xã Quang Vinh, huyện Ân Thi	2852/QĐ-UBND ngày 27/10/2017	960			960		
3	Trường mầm non trung tâm xã Bắc Sơn, huyện Ân Thi	2853/QĐ-UBND ngày 27/10/2017	1.000			1.000		
4	Nhà lớp học 6 phòng Trường Tiểu học xã Chi Đạo, huyện Văn Lâm	2855/QĐ-UBND ngày 27/10/2017	1.740			1.740		
5	Trường mầm non xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm	2854/QĐ-UBND ngày 27/10/2017	2.000			2.000		
6	Trung tâm thực hành chăm sóc người bệnh - Trường Cao đẳng Y tế Hưng Yên	1897/QĐ-UBND ngày 14/8/2018	1.000			1.000		
c	<b>Các công trình kiên cố trường, lớp học</b>		<b>20.000</b>	-	<b>20.000</b>			
1	Trường MN xã Minh Tiến, H. Phù Cừ	2178/QĐ-UBND ngày 21/5/2018	2.500		2.500			
2	Trường MN xã Hồng Nam	2646/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	2.500		2.500			
3	Trường MN xã Xuân Quan	171/QĐ-UBND ngày 29/9/2017	2.500		2.500			
4	Trường tiểu học xã Tân Tiến	163/QĐ-UBND ngày 29/9/2017	2.500		2.500			
5	Trường MN xã Lạc Hồng	3014/QĐ-UBND ngày 25/10/2017	2.500		2.500			
6	Trường MN Thị trấn Khoái Châu	4729/QĐ-UBND ngày 27/9/2017	2.500		2.500			
7	Trường THCS xã Thành Công	2669/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	2.500	-	2.500			
8	Trường Tiểu học xã Tứ Dân	2670/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	2.500		2.500			

**Phụ lục số 03**

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2020 CỦA CẤP HUYỆN, CẤP XÃ**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 238/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Nguồn vốn ngân sách tập trung			Ghi chú
			Tổng số	Cấp huyện	Cấp xã	
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>1.655.150</b>	<b>128.500</b>	<b>1.526.650</b>	<b>970.650</b>	<b>556.000</b>
1	Thành phố Hưng Yên	215.050	21.500	193.550	132.250	61.300
2	Thị xã Mỹ Hào	255.800	11.800	244.000	164.000	80.000
3	Huyện Văn Lâm	155.400	10.400	145.000	83.000	62.000
4	Huyện Yên Mỹ	250.500	12.500	238.000	143.500	94.500
5	Huyện Văn Giang	275.900	9.900	266.000	196.000	70.000
6	Huyện Khoái Châu	97.200	16.200	81.000	30.000	51.000
7	Huyện Ân Thi	84.800	13.700	71.100	7.900	63.200
8	Huyện Kim Động	65.800	11.800	54.000	27.000	27.000
9	Huyện Phù Cú	109.300	10.300	99.000	81.000	18.000
10	Huyện Tiên Lữ	145.400	10.400	135.000	106.000	29.000

**DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2020**

(Nguồn thu tiền sử dụng đất do Ban Quản lý Khu Đại học Phố Hiến làm Chủ đầu tư)  
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 238/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh)*

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Quyết định đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2020		Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Nguồn thu tiền SD đất	
1	2	3	4	5	6
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>220.000</b>	<b>220.000</b>	
<b>I</b>	<b>Dự án hoàn thành</b>		<b>37</b>	<b>37</b>	
1	Đầu tư xây dựng công trình Hệ thống thoát nước nghĩa trang nhân dân thôn Phù Oanh, xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ	1183/QĐ-UBND ngày 21/5/2018; 1815/QĐ-UBND ngày 15/8/2019	37	37	
<b>II</b>	<b>Dự án chuyển tiếp</b>		<b>90.120</b>	<b>90.120</b>	
1	Dự án đường trực phía Bắc Khu Đại học Phố Hiến	2372/QĐ-UBND ngày 7/12/2015	14.500	14.500	
2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư mới Bắc Nu-10 Khu Đại học Phố Hiến	2232/QĐ-UBND ngày 07/8/2017	14.100	14.100	
3	Hoàn thiện đường trực phía Bắc Khu Đại học Phố Hiến	1811/QĐ-UBND ngày 26/6/2017	15.260	15.260	
4	Khu dân cư mới Nu-9 thuộc Khu Đại học Phố Hiến	927/QĐ-UBND ngày 10/4/2018	8.890	8.890	
5	Khu dân cư mới Nam Nu-10, Khu Đại học Phố Hiến	2516/QĐ-UBND ngày 14/9/2017	26.190	26.190	
6	Khu dân cư mới phía Bắc Nu-9, Khu Đại học Phố Hiến	1242/QĐ-UBND ngày 01/6/2018	11.180	11.180	
<b>III</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>		<b>129.843</b>	<b>129.843</b>	
1	Dự án hoàn chỉnh đường trực phía Bắc Khu Đại học Phố Hiến (đoạn từ đường HY3 đến đường ĐH.72)	2438/QĐ-UBND ngày 25/10/2019	28.500	28.500	
2	Dự án đường trực trung tâm Khu Đại học Phố Hiến (đoạn từ đường HY3 đến đường bộ nối hai đường cao tốc)	2509/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	52.500	52.500	
3	Dự án đường trực phía Nam Khu Đại học Phố Hiến (đoạn từ đường HY3 đến đường bộ nối hai đường cao tốc)	2232/QĐ-UBND ngày 04/10/2019	48.843	48.843	

**Phụ lục số 05**

**KẾ HOẠCH PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NTM VÀ HOÀN TRẢ VỐN  
CHƯƠNG TRÌNH KCH KÊNH MƯƠNG, ĐƯỜNG GTNT NĂM 2020**

(Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất)

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 238/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2020		Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Nguồn thu tiền SD đất	
1	2	3	4	5	6
	<b>TỔNG SỐ</b>		<b>897.532</b>	<b>181.200</b>	
<b>A</b>	<b>HOÀN TRẢ 02 CÔNG TRÌNH/DỰ ÁN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH KIÊN CÓ HÓA KÊNH MƯƠNG VÀ ĐƯỜNG GTNT</b>		<b>2.551</b>	<b>2.551</b>	
	Đường GTNT Thị trấn Như Quỳnh (từ trường Tiểu học Như Quỳnh B đến trạm biến áp thôn Hành Lạc)	1848/QĐ-UBND ngày 18/7/2013	1.351	1.351	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thị trấn Lương Bằng (tuyến 1, từ cửa nhà ông Chuân đến cửa nhà ông Điềm thôn Động Xá; tuyến 2, từ cửa nhà ông Cần đến đầu móng nồi mạ chuôm)	78c/QĐ-UBND ngày 29/10/2015; 71/QĐ-UBND ngày 12/9/2017	1.200	1.200	
<b>B</b>	<b>CÔNG TRÌNH/DỰ ÁN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỤNG NÔNG THÔN MỚI</b>		<b>894.981</b>	<b>178.649</b>	
	<b>THÀNH PHỐ HƯNG YÊN</b>		<b>52.783</b>	<b>10.400</b>	
	<b>Xã Hùng Cường</b>				
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hùng Cường (đoạn từ điểm giao đường Dốc Lã, thôn Phượng Hoàng đến điểm giao ngõ ông Úy)	93b/QĐ-UBND ngày 15/10/2018	4.323	1.000	
	Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng Trường mầm non khu trung tâm xã Hùng Cường	99a/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	6.827	1.000	
	<b>Xã Bảo Khê</b>				
	Nhà văn hóa xã Bảo Khê	133/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	14.834	2.000	
	<b>Xã Phú Cường</b>				
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phú Cường (đoạn từ dốc ông Khài đến dốc ông Sử)	2653/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	3.005	900	
	<b>Xã Quảng Châu</b>				
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Quảng Châu (tuyến 1: từ đền Hoàng Bà đến cổng ông Miễn, thôn 5; Nhánh tuyến 1: từ nhà ông Thành đến nhà ông Cộng, thôn 5; Tuyến 2: từ cổng xóm 8 đến cổng cụ Bưởng; Tuyến 3: từ ngã ba đầu vườn ông Lã Định đến cổng xóm 10, thôn 5)	754a/QĐ-UBND ngày 15/10/2018	12.486	3.000	
	<b>Xã Hoàng Hanh</b>				
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hoàng Hanh (đoạn từ đường công vụ cầu Hưng Hà đến đường ra bến đò Vũ Điện)	2270/QĐ-UBND ngày 21/10/2019	3.250	500	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hoàng Hanh (đoạn 1, từ ngã 3 nhà ông Luyện đến giáp xã Tân Hưng; đoạn 2, từ ngã 4 chợ đến cổng ông Phó)	2269/QĐ-UBND ngày 21/10/2019	4.950	1.200	
	<b>Xã Liên Phương</b>				
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Liên Phương (đoạn từ đường ADB đến trại ông Đại)	2685/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	3.108	800	
	<b>HUYỆN TIỀN LŨ</b>		<b>87.052</b>	<b>18.900</b>	
	<b>Xã Đức Thắng</b>				
	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 10 phòng Trường Tiểu học xã Đức Thắng	74/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	7.500	2.500	
	Xây dựng nhà văn hóa thôn An Lạc, xã Đức Thắng	49/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 03/QĐ-UBND ngày 22/02/2019	2.418	500	
	<b>Xã Thủ Sỹ</b>				
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Thủ Sỹ (đoạn từ đường bê tông xã Hồng Nam đến ngõ ông Cầu, thôn Lê Bài)	169/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	4.500	1.000	
	<b>Xã Ngô Quyền</b>				
	Xây dựng cầu giao thông nông thôn Trịnh Mỹ, xã Ngô Quyền	1872/QĐ-UBND ngày 15/10/2018	10.000	2.000	
	Xây dựng nhà lớp học 10 phòng Trường THCS Ngô Quyền	1899/QĐ-UBND ngày 16/10/2018	8.000	500	
	<b>Xã Trung Dũng</b>				
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Trung Dũng	2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	7.700	1.500	

TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2020		Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Nguồn thu tiền SD đất	
1	2	3	4	5	6
	<b>Xã Dị Ché</b>				
	Nhà văn hóa xã Dị Ché	83/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	8.219	2.500	
	Nhà văn hóa thôn Ché Chi, xã Dị Ché	05/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	2.495	500	
	<b>Xã Hải Triều</b>				
	Nhà lớp học 2 tầng, 8 phòng Trường mầm non xã Hải Triều	129/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	8.120	2.100	
	<b>Xã Cường Chính</b>				
	Xây dựng Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng học Trường THCS xã Cường Chính	86/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	7.500	1.500	
	<b>Xã An Viên</b>				
	Xây dựng Trạm Y tế xã An Viên	05/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	5.000	1.800	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã An Viên (đoạn từ Cống Tiền Phong, giao với đường ĐH.72 đến đường trục phía Bắc)	1988/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	7.600	1.000	
	<b>Xã Thụy Lôi</b>				
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Thụy Lôi	943/QĐ-UBND ngày 14/6/2019	8.000	1.500	
	<b>HUYỆN PHÙ CÚ</b>				
	<b>Xã Nhật Quang</b>				
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Nhật Quang (Đoạn 1, từ ĐH.80 đến cổng Trường tiểu học; Đoạn 2, từ ĐH.64 đến Chùa Bà; Đoạn 3, từ nhà ông Huệ đến Trường THPT Phù Cú)	91/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	5.514	500	
	<b>Xã Đoàn Đào</b>				
	Xây dựng cầu bắc từ QL.38B sang cánh đồng Sơn, thôn Đông Cáp, xã Đoàn Đào	5087/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	14.989	3.000	
	<b>Xã Minh Hoàng</b>				
	Nhà lớp học bộ môn 2 tầng 6 phòng Trường THCS xã Minh Hoàng	5061/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	7.880	2.000	
	<b>Xã Tống Phan</b>				
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tống Phan (Đoạn 1, từ ĐH.87 nhà ông Quý thôn Hạ Cát đến nhà ông Văn và từ nhà ông Âu đến nhà ông Tinh trên đường ĐH.87; Đoạn 2, từ nhà ông Tắc đến nhà ông Thuần, thôn Phan Xá; Đoạn 3, từ nhà trẻ thôn Tống Xá đến ngã 3 đồng Ái)	51/QĐ-UBND ngày 23/9/2019	6.000	1.500	
	<b>Xã Minh Tiến</b>				
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Minh Tiến (Đoạn 1, từ đường 386 đến Nghĩa trang thôn Phù Oanh; Đoạn 2, từ ngã tư Phù Oanh đến nhà ông Tuyết; Đoạn 3, từ ngã ba Kim Phượng đến nhà ông Ngân)	58a/QĐ-UBND ngày 04/9/2018	7.170	2.000	
	Nhà lớp học 2 tầng, 4 phòng Trường mầm non xã Minh Tiến	66a/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	6.899	1.500	
	<b>Xã Tam Đa</b>				
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tam Đa (Đoạn từ đường 386 đến nhà ông Lưu thôn Ngũ Phúc, cánh đồng Ngõi)	81/QĐ-UBND ngày 27/10/2018	11.994	500	
	<b>Xã Tống Trần</b>				
	Cải tạo, nâng cấp kênh mương vùng bãi tại các thôn: An Cầu và Võng Phan, xã Tống Trần	102/QĐ-UBND ngày 23/8/2019	3.525	1.000	
	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Tống Trần (đường giao thông vùng bãi tại các thôn: An Cầu và Võng Phan)	101/QĐ-UBND ngày 23/8/2019	4.263	1.500	
	<b>Xã Nguyên Hòa</b>				
	Nhà lớp học bộ môn 2 tầng, 6 phòng Trường THCS Nguyên Hòa	5082/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	9.471	2.000	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Nguyên Hòa (Đoạn từ đê thôn Thị Giang đến sân bóng thôn Hạ Đồng)	5098/QĐ-UBND ngày 26/10/2018; 16/QĐ-BQLDA ngày 05/01/2019	9.927	1.500	
	<b>HUYỆN ÂN THI</b>				
	<b>Xã Tiễn Phong</b>				
	Nhà văn hóa xã Tiễn Phong	76/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	9.197	2.500	
	<b>Xã Đa Lộc</b>				
	Xây dựng Nhà lớp học 2 tầng, 10 phòng Trường Tiểu học xã Đa Lộc	113a/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	10.400	1.500	

TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2020		Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Nguồn thu tiền SD đất	
1	2	3	4	5	6
	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn (GTNT) thôn Bình Nguyên, xã Đa Lộc	4393b/QĐ-UBND ngày 01/11/2018	5.500	1.000	
	<b>Xã Văn Nhuệ</b>				
	Nhà văn hóa xã Văn Nhuệ	93B/QĐ-UBND ngày 27/10/2018	9.403	2.500	
	<b>Xã Hồng Quang</b>				
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hồng Quang (đoạn từ nhà ông Quang đến Đồng Chuột, thôn Vũ Dương)	40/QĐ-UBND ngày 21/10/2019	3.745	700	
	<b>Xã Hồ Tùng Mậu</b>				
	12 Phòng học Trường THCS Hồ Tùng Mậu	4387b/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	10.158	2.400	
	<b>Xã Hồng Vân</b>				
	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường Tiểu học xã Hồng Vân	82/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	5.689	1.500	
	<b>Xã Xuân Trúc</b>				
	Nhà lớp học 2 tầng, 12 phòng Trường THCS xã Xuân Trúc	282a/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	9.911	2.500	
	Nhà lớp học 2 tầng, 12 phòng Trường Tiểu học xã Xuân Trúc	279c/QĐ-UBND ngày 15/10/2018	8.910	2.500	
	<b>Xã Đào Dương</b>				
	Nhà văn hóa xã Đào Dương	36/QĐ-UBND ngày 14/8/2019	6.601	2.500	
	<b>Xã Hạ Lễ</b>				
	Nhà văn hóa thôn 5, xã Hạ Lễ	44/QĐ-UBND ngày 08/10/2018	2.177	500	
	<b>Xã Quảng Lãng</b>				
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Quảng Lãng (đoạn từ thôn Bình Cầu 1 đến đường 62 và đoạn từ UBND xã đến trạm y tế xã)	65/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	3.416	1.000	
	Xây dựng công trình nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường THCS xã Quảng Lãng	66/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	6.116	2.500	
	<b>Xã Quang Vinh</b>				
	Xây dựng Nhà lớp học 8 phòng học - Trường Tiểu học xã Quang Vinh	155/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	5.011	1.500	
	<b>Xã Bắc Sơn</b>				
	Cải tạo, nâng cấp đường trực chính xã Bắc Sơn (đoạn 1: từ đường bê tông cũ gần ĐT.384 đến điểm giao với đường ra bãi rác thôn An Đỗ; đoạn 2: từ điểm lối mòn non thôn An Khài đến ĐT.382)	4318b/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	13.651	3.400	
	<b>Xã Cẩm Ninh</b>				
	Xây dựng Nhà lớp học 6 phòng học, Trường THCS xã Cẩm Ninh	60/QĐ-UBND ngày 23/9/2019	4.495	1.000	
	<b>Xã Bãi Sậy</b>				
	Xây dựng Nhà lớp học 8 phòng học Trường tiểu học xã Bãi Sậy	41a/QĐ-UBND ngày 20/9/2019	4.843	1.500	
	<b>HUYỆN KIM ĐỘNG</b>			93.257	16.763
	<b>Xã Phạm Ngũ Lão</b>				
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phạm Ngũ Lão (đoạn 1, từ đầu đường 38 đến cổng Chân Tràng; đoạn 2, từ cổng Chân Tràng đến đường Nghè)	86d/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	3.085	500	
	<b>Xã Nhân La</b>				
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Nhân La (đoạn từ cây đa mà chết đến cánh đồng chè)	77a/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	3.386	500	
	<b>Xã Ngọc Thanh</b>				
	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 8 phòng - Trường Tiểu học xã Ngọc Thanh	12/QĐ-UBND ngày 02/8/2019	4.671	1.263	
	<b>Xã Thọ Vinh</b>				
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Thọ Vinh (đoạn từ ngã tư chợ đến đường 378)	52A1/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	9.096	2.000	
	Xây dựng Nhà văn hóa xã Thọ Vinh	52B/QĐ-UBND ngày 10/12/2018	7.500	1.000	
	<b>Xã Vũ Xá</b>				
	Xây dựng Nhà văn hóa xã Vũ Xá	45b/QĐ-UBND ngày 07/12/2018	7.000	1.500	
	Xây dựng Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng - Trường Tiểu học xã Vũ Xá	43b/QĐ-UBND ngày 05/12/2018	7.500	1.500	

TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2020		Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Nguồn thu tiền SD đất	
1	2	3	4	5	6
	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 8 phòng - Trường THCS xã Vũ Xá	43c/QĐ-UBND ngày 05/12/2018	7.500	1.500	
	<b>Xã Mai Động</b>				
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Mai Động (đoạn từ cây xăng đến ngã ba đường Vùng)	55b/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	5.313	1.000	
	Nhà văn hóa xã Mai Động	42/QĐ-UBND ngày 18/11/2018	7.000	1.000	
	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 8 phòng - Trường THCS xã Mai Động	56/QĐ-UBND ngày 05/12/2018	7.000	1.000	
	<b>Xã Nghĩa Dân</b>				
	Xây dựng Nhà lớp học 2 tầng, 8 phòng Trường THCS xã Nghĩa Dân	67/QĐ-UBND ngày 21/5/2019	8.500	1.000	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Nghĩa Dân (đoạn từ Đường Cao ra Đồng Bãi, đoạn từ Làng đến Đồng Dờ và đoạn từ đường liên xã đến bờ sông Điện Biên)	86b/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	4.802	1.000	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Nghĩa Dân (tuyến 1: từ đường Đồng Lâm đi đường trục xã đến bờ sông Điện Biên; tuyến 2: từ đường Sêp Hàng đi từ đường trục xã đến bờ sông Điện Biên)	97/QĐ-UBND ngày 29/7/2019	3.104	1.000	
	<b>Xã Toàn Thắng</b>				
	Xây dựng Nhà lớp học 2 tầng, 8 phòng -Trường Tiểu học xã Toàn Thắng	92C/QĐ-UBND ngày 04/12/2018	7.800	1.000	
	<b>HUYỆN KHOÁI CHÂU</b>		133.404	26.800	
	<b>Xã Thuần Hưng</b>				
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Thuần Hưng (đoạn từ nhà ông Năng thôn 3 đi nhà ông Vẽ thôn 1 và kiên cố hóa kênh mương dọc tuyến)	68/QĐ-UBND ngày 27/9/2019	12.512	3.000	
	<b>Xã Nhuệ Dương</b>				
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Nhuệ Dương (đoạn 1, từ DH.59 đến đầu Làng Quan Xuyên; đoạn 2, nối từ đường Làng Quan Xuyên đến đầu Làng thôn Sài Quất)	02/QĐ-UBND ngày 06/8/2019	5.500	2.000	
	<b>Xã Đại Tập</b>				
	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường THCS xã Đại Tập	05/QĐ-UBND ngày 03/8/2019	6.000	2.000	
	<b>Xã Thành Công</b>				
	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường THCS xã Thành Công	06/QĐ-UBND ngày 05/7/2019	6.000	1.500	
	<b>Xã Bình Kiều</b>				
	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng Trường mầm non khu trung tâm xã Bình Kiều	278d/QĐ-UBND ngày 12/02/2019	9.778	1.000	
	Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng Trường THCS xã Bình Kiều	278C/QĐ-UBND ngày 11/02/2019	8.431	1.000	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Bình Kiều (đoạn từ nhà ông Lưu thôn An Cảnh đến nhà ông Hòa Đôn, thôn Ninh Vũ)	229A/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	3.937	500	
	<b>Xã Tân Dân</b>				
	Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng Trường Tiểu học xã Tân Dân	23E/QĐ-UBND ngày 18/02/2019	9.662	1.000	
	<b>Xã Hảm Tử</b>				
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hảm Tử (đoạn từ nhà ông Chiến đến đường DH.54)	36B/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	4.800	1.000	
	<b>Xã Tứ Dân</b>				
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tứ Dân (đoạn từ cổng 3 ngách đến đầu ruộng nhà ông Huy gốc Lim)	65/QĐ-UBND ngày 26/9/2019	4.561	1.000	
	Nhà văn hóa xã Tứ Dân	39/QĐ-UBND ngày 08/8/2019	10.023	2.500	
	<b>Xã Đông Tảo</b>				
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đông Tảo	71/QĐ-UBND ngày 28/8/2019	5.317	1.000	
	Nhà lớp học 2 tầng, 6 phòng Trường THCS xã Đông Tảo	56A/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	4.061	1.000	
	<b>Xã Chí Tân</b>				
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Chí Tân (đoạn từ nhà Tuyết Doãn, thôn Nghi Xuyên đến nhà ông Hợi, thôn Cốc Phong)	66/QĐ-UBND ngày 26/9/2019	3.545	1.000	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Chí Tân (đoạn từ quán ông Hời đến DH.51; đoạn từ Trạm Y tế xã đi bãi rác Tân Hưng)	65/QĐ-UBND ngày 26/9/2019	3.110	500	

TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2020		Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Nguồn thu tiền SD đất	
1	2	3	4	5	6
	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng Trường Tiểu học xã Chí Tân	48/QĐ-UBND ngày 07/8/2019	5.278	1.500	
	<b>Xã Việt Hòa</b>				
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Việt Hòa (đoạn từ đường WB đến bờ sông Tây Tân Hưng)	5808/QĐ-UBND ngày 14/10/2019	3.000	400	
	<b>Xã Đông Kết</b>				
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đông Kết (đoạn từ Trường THCS Đông Kết đến đường BT.383)	5807/QĐ-UBND ngày 14/10/2019	3.000	400	
	<b>Xã Hồng Tiến</b>				
	Nhà lớp học 3 tầng 6 phòng Trường THCS xã Hồng Tiến	68/QĐ-UBND ngày 08/8/2019	8.108	1.000	
	<b>Xã Phùng Hưng</b>				
	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng học Trường THCS xã Phùng Hưng	60/QĐ-UBND ngày 04/10/2019	4.200	1.000	
	<b>Xã Đồng Tiến</b>				
	Nhà văn hóa thôn Thổ Khối xã Đồng Tiến	07/QĐ-UBND ngày 26/6/2018	1.731	500	
	Nhà văn hóa thôn Kim Tháp xã Đồng Tiến	05/QĐ-UBND ngày 28/6/2018	1.746	500	
	<b>Xã Dạ Trạch</b>				
	Trường mầm non xã Dạ Trạch	48b/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	9.104	1.500	
	<b>HUYỆN YÊN MỸ</b>		<b>122.574</b>	<b>19.708</b>	
	<b>Xã Đồng Than</b>				
	Xây dựng công trình Nhà lớp học 3 tầng 8 phòng Trường THCS xã Đồng Than	152/QĐ-UBND ngày 30/9/2019	14.990	2.000	
	Xây dựng công trình Nhà lớp học 8 phòng Trường mầm non xã Đồng Than	151/QĐ-UBND ngày 27/9/2019	14.990	2.000	
	<b>Xã Yên Phú</b>				
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT các thôn: Mễ Thượng, Mễ Hạ, Bình Phú, Tân Phú, Từ Hồ và rãnh thoát nước thôn Từ Tây, xã Yên Phú	139a/QĐ-UBND ngày 18/12/2018	14.444	1.600	
	<b>Xã Hoàn Long</b>				
	Nhà lớp học 2 tầng 12 phòng Trường Tiểu học xã Hoàn Long	53B/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	9.082	1.000	
	Cải tạo, nâng cấp cầu Tây vào thôn Chân Đông và thôn Đại Hạnh xã Hoàn Long	27B/QĐ-UBND ngày 22/3/2019	5.680	2.000	
	<b>Xã Lý Thường Kiệt</b>				
	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng Trường Tiểu học xã Lý Thường Kiệt	76a/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	7.273	1.000	
	Xây dựng công trình Nhà lớp học 10 phòng Trường mầm non xã Lý Thường Kiệt	104/QĐ-UBND ngày 27/9/2019	11.000	1.500	
	<b>Xã Tân Việt</b>				
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tân Việt (thôn Yên Đô)	125b/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	14.502	3.000	
	Nhà văn hóa thôn Lãng Cầu, xã Tân Việt	125c/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	2.200	500	
	<b>Xã Yên Hòa</b>				
	Xây dựng công trình Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng học Trường Tiểu học xã Yên Hòa	186/QĐ-UBND ngày 30/9/2019	8.000	1.500	
	<b>Xã Minh Châu</b>				
	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường Tiểu học xã Minh Châu	120b/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	7.000	1.500	
	<b>Xã Liêu Xá</b>				
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Liêu Xá	81b/QĐ-UBND ngày 27/9/2019	7.869	1.000	
	<b>Xã Tân Lập</b>				
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tân Lập	36b/QĐ-UBND ngày 28/4/2019	5.544	1.108	
	<b>HUYỆN MỸ HÀO (NAY LÀ THỊ XÃ MỸ HÀO)</b>		<b>72.738</b>	<b>13.400</b>	
	<b>Xã Minh Đức (nay là Phường Minh Đức)</b>				
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Minh Đức (Đoạn 1, từ ĐH.31 đến cổng T12; Đoạn 2, từ QL5 đến ông Phục, thôn Phong Cốc; Đoạn 3, từ cổng trạm y tế xã đến ông Phượng, thôn Sài Phi)	104b/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	14.960	2.500	

TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2020		Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Nguồn thu tiền SD đất	
1	2	3	4	5	6
	<b>Xã Hòa Phong</b>				
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hòa Phong (Đoạn 1, từ ĐH.31 đến kênh T12 đồng H; Đoạn 2, từ kênh Văn Lâm đến cánh đồng Sắn; Đoạn 3, từ cống tiêu Phúc Lâm đến kênh Văn Lâm; Đoạn 4, từ đường bê tông đến kênh T12)	76/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	10.000	2.000	
	<b>Xã Bạch Sam (nay là Phường Bạch Sam)</b>				
	Trạm y tế xã Bạch Sam	39/QĐ-UBND ngày 15/5/2019	4.442	1.000	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT phường Bạch Sam (đoạn từ nhà ông Khoa đến nhà ông Họa TDP Độ và đoạn từ nhà ông Họa đến nhà ông Toản, TDP Phan)	98/QĐ-UBND ngày 30/9/2019	12.000	1.000	
	<b>Xã Ngọc Lâm</b>				
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Ngọc Lâm (thôn Phúc Bô: đoạn từ đường Kim Sơn đến cống ông Đàm; đoạn từ đường Kim Sơn đến bãi rác Phúc Bô)	49/QĐ-UBND ngày 16/10/2019	3.591	500	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Ngọc Lâm (Đoạn 1, thôn Võ Ngai: đoạn từ gần bãi rác thôn Võ Ngai đến gần đê Kim Sơn; Đoạn 2, thôn Võ Ngai, đoạn từ đê Kim Sơn đến cánh đồng; Đoạn 3, thôn Võ Ngai, đoạn trên cánh đồng Bồng; Đoạn 4, đoạn từ ngã tư Phố Ngái đến Trạm bom Phúc Bô; Đoạn 5, đoạn từ nhà ông Hùng thôn Võ Ngai đến cánh đồng Xuân Đức; Đoạn 6, đoạn từ ngã tư Phố Ngái đến Nho Lâm)	74A/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	12.000	3.000	
	<b>Xã Phùng Chí Kiên (nay là Phường Phùng Chí Kiên)</b>				
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phùng Chí Kiên (đoạn từ Cầu Máng nối đến Khu giãn dân thôn Đào Du)	63/QĐ-UBND ngày 02/10/2019	1.250	400	
	<b>Xã Hưng Long</b>				
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hưng Long (Đoạn 1, thôn Tân Hưng: từ ruộng ông Thường đến mương Trần Thành Ngọ; Đoạn 2, thôn Thuần Xuyên: từ cánh đồng tốt đến trại Kích; Đoạn 3, thôn Tân Hưng, từ đường 387 đến nhà ông Hiền; Đoạn 4, thôn Vinh Quang: từ gần nhà ông Việt đến đê Kim Sơn; Đoạn 5, từ nhà ông Khoa đến đường bê tông; Đoạn 6, từ nhà trẻ Đồng Thanh đến nhà bà Lán Điền)	30d/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	14.495	3.000	
	<b>HUYỆN VĂN LÂM</b>		<b>66.838</b>	<b>12.000</b>	
	<b>Xã Định Dù</b>				
	Nhà lớp học 2 tầng, 10 phòng Trường mầm non xã Định Dù	60/QĐ-UBND ngày 07/8/2019	10.826	2.500	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Định Dù	73/QĐ-UBND ngày 01/10/2019	14.427	3.000	
	<b>Xã Minh Hải</b>				
	Nhà lớp học 2 tầng 12 phòng Trường Tiểu học Minh Hải	348E/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	9.425	1.500	
	<b>Xã Chí Đạo</b>				
	Nhà lớp học Trường Tiểu học Chí Đạo	153H/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	9.425	1.500	
	<b>Xã Việt Hưng</b>				
	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường THCS xã Việt Hưng	98/QĐ-UBND ngày 22/10/2018	8.486	2.000	
	<b>Xã Tân Quang</b>				
	Cải tạo nâng cấp đường trục xã Tân Quang, huyện Văn Lâm (đoạn từ UBND xã đến Chùa Tăng Bảo)	89A/QĐ-UBND ngày 05/10/2018	14.249	1.500	
	<b>HUYỆN VĂN GIANG</b>		<b>59.480</b>	<b>12.678</b>	
	<b>Xã Long Hưng</b>				
	Nhà lớp học B (2 tầng 10 phòng), Nhà lớp học C (2 tầng 10 phòng) và hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Long Hưng	31A/QĐ-UBND ngày 30/3/2018	14.885	2.500	
	<b>Xã Xuân Quan</b>				
	Nhà lớp học 3 tầng 15 phòng Trường THCS xã Xuân Quan	06/QĐ-UBND ngày 08/8/2019	14.775	3.000	
	<b>Xã Mẽ Sờ</b>				
	Cải tạo, nâng cấp đường từ thôn Phú Thị nối đường ĐH.25	108a/QĐ-UBND ngày 30/8/2019	5.754	1.500	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Mẽ Sờ (đoạn từ Hoàng Trạch đi T4)	81/QĐ-UBND ngày 05/8/2019	3.296	1.000	
	<b>Xã Vĩnh Khúc</b>				
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Vĩnh Khúc (đường trục chính xã, đoạn qua thôn Giáp Phòng)	96c/QĐ-UBND ngày 11/10/2018	12.348	2.000	
	<b>Xã Cửu Cao</b>				
	Nhà lớp học 3 tầng 6 phòng Trường THCS xã Cửu Cao	99/QĐ-UBND ngày 08/8/2019	8.422	2.678	

**Phụ lục số 06**

**KẾ HOẠCH PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NTM VÀ  
HOÀN TRẢ VỐN CHƯƠNG TRÌNH KCH KÊNH MUÔNG, ĐƯỜNG GTNT NĂM 2020**

**(Nguồn vốn ngân sách trung ương)**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 238/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh)*

**Đơn vị: Triệu đồng**

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư hiện hành	Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
1	2	3	4	5
	<b>TỔNG SỐ</b>		<b>224.450</b>	
A	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI		<b>224.450</b>	
I	TRẢ NỢ CÔNG TRÌNH/DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH KIÊN CÓ HÓA KÊNH MUÔNG VÀ ĐƯỜNG GTNT năm 2016		<b>96.307</b>	
1	<b>HỖ TRỢ CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ HOÀN THÀNH</b> <b>THÀNH PHỐ HƯNG YÊN</b>		<b>38.124</b>	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Quảng Châu, TP. Hưng Yên	276/QĐ-UBND ngày 09/11/2015	1.000	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hoàng Hanh, TP. Hưng Yên	44/QĐ-UBND ngày 09/11/2015	1.089	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phương Chiểu (đoạn từ cuối phần đất nhà máy nước sạch đến nhà ông Lương)	32a/QĐ-UBND ngày 17/9/2015	173	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phương Chiểu (đoạn từ nhà ông Tài đến đường trực xã)	42a/QĐ-UBND ngày 26/10/2015	485	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Liên Phương (đoạn từ ngã tư đường Dụng đến nhà bà Tuấn)	191A/QĐ-UBND ngày 16/10/2015	629	
	<b>HUYỆN TIỀN LŨ</b>		<b>4.806</b>	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Thủ Sỹ, huyện Tiên Lũ	1369/QĐ-UBND ngày 27/10/2015	1.228	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hải Triều, huyện Tiên Lũ	102c/QĐ-UBND ngày 23/10/2015	1.307	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Thủ Sỹ	80/QĐ-UBND ngày 23/10/2015	991	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã An Viên	40/QĐ-UBND ngày 20/10/2015	1.280	
	<b>HUYỆN PHÙ CỨ</b>		<b>3.768</b>	
	Đường GTNT xã Minh Tân	54/QĐ-UBND ngày 29/11/2013	1.409	
	Đường GTNT xã Tống Trân	2287/QĐ-UBND ngày 16/7/2013	130	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tống Trân (đoạn từ ĐT.378 giáp nhà ông An đến ĐT.378 giáp nhà ông Ngữ và từ nhà thờ thôn Võng Phan đến nhà ông Hùng)	154/QĐ-UBND ngày 15/10/2015; 90/QĐ-UBND ngày 21/6/2016	1.229	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tống Trân (đoạn từ ĐT.378 đến nhà ông Luân thôn Trà Dương và từ nhà ông Lạc đến bến rác thôn Trà Dương)	110/QĐ-UBND ngày 28/10/2015; 91/QĐ-UBND ngày 21/6/2016	1.000	
	<b>HUYỆN ÂN THỊ</b>		<b>7.365</b>	
	Đường GTNT xã Đặng Lê	1603/QĐ-UBND ngày 27/6/2012	1.615	
	Đường GTNT xã Nguyễn Trãi	1770/QĐ-UBND ngày 24/7/2012	1.392	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư hiện hành	Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
1	2	3	4	5
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đa Lộc, huyện Ân Thi	47a/QĐ-UBND ngày 05/10/2015	863	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Quang Vinh, huyện Ân Thi	42/QĐ-UBND ngày 20/11/2015	236	
	Đường GTNT xã Hồng Quang	1582/QĐ-UBND ngày 24/6/2013	1.305	
	Đường GTNT xã Vân Du	1594/QĐ-UBND ngày 28/6/2013	1.032	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Nguyễn Trãi (đường thôn Ấp Nhân Lý)	50c/QĐ-UBND ngày 21/10/2015	922	
	<b>HUYỆN KIM ĐỘNG</b>		<b>1.266</b>	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Vĩnh Xá, huyện Kim Động	68a/QĐ-UBND ngày 22/10/2015	1.134	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Ngọc Thanh (đoạn từ đường bê tông nghĩa trang nhân dân Thanh Cù đến khu mộ Trần Linh Lang)	98a/QĐ-UBND ngày 28/10/2015	132	
	<b>HUYỆN KHOÁI CHÂU</b>		<b>5.848</b>	
	Đường GTNT xã Tứ Dân (đoạn từ thôn Phương Trù đến thôn Phương Mạn Đường)	1803/QĐ-UBND ngày 21/8/2012	1.218	
	Đường GTNT xã Tân Châu	3021/QĐ-UBND ngày 11/7/2013	891	
	Đường GTNT xã Phùng Hưng (từ đường 205 đến mốc đá)	3928A/QĐ-UBND ngày 31/10/2013	1.929	
	Đường GTNT xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu	41/QĐ-UBND ngày 26/10/2015	610	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hồng Tiến, huyện Khoái Châu	46/QĐ-UBND ngày 16/10/2015	448	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Dạ Trạch, huyện Khoái Châu	50/QĐ-UBND ngày 18/10/2015	171	
	Đường GTNT xã Thành Công (từ đường 205D đến xã Nhuế Dương)	2998/QĐ-UBND ngày 08/7/2013	581	
	<b>HUYỆN YÊN MỸ</b>		<b>2.229</b>	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hoàn Long, huyện Yên Mỹ	55/QĐ-UBND ngày 23/10/2015	1.134	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tân Lập	60a/QĐ-UBND ngày 06/10/2015	1.095	
	<b>HUYỆN MỸ HÀO (NAY LÀ THỊ XÃ MỸ HÀO)</b>		<b>1.972</b>	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hòa Phong, huyện Mỹ Hao	35B/QĐ-UBND ngày 28/10/2015	756	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Cẩm Xá	64B/QĐ-UBND ngày 28/10/2015	1.216	
	<b>HUYỆN VĂN LÂM</b>		<b>3.789</b>	
	Đường GTNT xã Lương Tài (từ Đông Trại đến giáp tỉnh Bắc Ninh)	1847/QĐ-UBND ngày 18/7/2013	2.201	
	Đường GTNT xã Lương Tài (từ ĐH.196 (km9+500 đến thôn Tân Xuân)	1846/QĐ-UBND ngày 18/7/2013	1.436	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Lạc Đạo, huyện Văn Lâm	166b/QĐ-UBND ngày 22/10/2015; 55/QĐ-UBND ngày 14/3/2016	152	
	<b>HUYỆN VĂN GIANG</b>		<b>3.705</b>	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Nghĩa Trụ (đoạn từ UBND xã Nghĩa Trụ đến thôn Lê Cao)	3884/QĐ-UBND ngày 01/12/2014	900	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Thắng Lợi, huyện Văn Giang	64a/QĐ-UBND ngày 22/10/2015	205	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư hiện hành	Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
1	2	3	4	5
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Vĩnh Khúc (đoạn từ cầu Tăng Bảo II đến thôn An Lạc xã Trung Trác)	3893/QĐ-UBND ngày 03/12/2014	2.600	
	<b>HỖ TRỢ CÁC CÔNG TRÌNH CHUYÊN TIẾP</b>		<b>58.183</b>	
	<b>HUYỆN ÂN THI</b>		<b>6.723</b>	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Văn Nhuệ, xã Văn Nhuệ	44B/QĐ-UBND ngày 21/10/2015; 07/QĐ-UBND ngày 20/2/2017	1.500	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Mẽ Xá và thôn Nhân Lý, xã Nguyễn Trãi	83/QĐ-UBND ngày 26/10/2015	1.500	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Xuân Trúc (đoạn từ Xuân Nguyên-Trúc Nội đến thị trấn Ân Thi)	99C/QĐ-UBND ngày 07/10/2015; 235/QĐ-UBND ngày 30/12/2016	723	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Bình Cầu, xã Quảng Lãng	71/QĐ-UBND ngày 28/10/2015; 82/QĐ-UBND ngày 27/12/2016	1.500	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Đặng Xuyên, xã Đặng Lễ	365/QĐ-UBND ngày 25/10/2015; 125/QĐ-UBND ngày 21/12/2016	1.500	
	<b>HUYỆN MỸ HÀO (NAY LÀ THỊ XÃ MỸ HÀO)</b>		<b>6.000</b>	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Ngọc Lâm (đường thôn Võ Ngoại)	66/QĐ-UBND ngày 29/10/2015; 06a/QĐ-UBND ngày 15/02/2017	1.000	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hòa Phong (đường thôn Hòa Lạc)	33a/QĐ-UBND ngày 25/10/2015; 01D/QĐ-UBND ngày 15/02/2017	1.000	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Xuân Dục (đường thôn Xuân Đào - tuyến 2)	36/QĐ-UBND ngày 26/10/2015; 02B/QĐ-UBND ngày 15/02/2017	1.000	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Yên Tập, xã Nhân Hòa (đoạn từ Chùa đến nhà Côi)	01A/08/QĐ-UBND ngày 09/8/2013	1.000	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Minh Đức (đường thôn Sài Phi)	90D/QĐ-UBND ngày 20/10/2015	1.000	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT đường trực thôn Yên Tập, xã Nhân Hòa	64/QĐ-UBND ngày 20/11/2012	1.000	
	<b>HUYỆN VĂN LÂM</b>		<b>6.000</b>	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Định Dù (đường thôn Thị Trung - tuyến 2)	72a/QĐ-UBND ngày 27/10/2015; 11d/QĐ-UBND ngày 22/02/2017	1.200	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Việt Hưng (đoạn từ đường ĐH.15 tới thôn Mẽ Đậu)	78a/QĐ-UBND ngày 05/10/2015; 34A/QĐ-UBND ngày 29/5/2017	1.200	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư hiện hành	Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
1	2	3	4	5
	Cải tạo, đường GTNT xã Lương Tài	50b/QĐ-UBND ngày 20/10/2015; 06b/QĐ-UBND ngày 22/02/2017	1.200	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đình Dù (đường thôn Thị Trung)	72b/QĐ-UBND ngày 27/10/2015; 11E/QĐ-UBND ngày 22/02/2017	256	
	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng xã Việt Hưng (đoạn từ đầu thôn Mẽ Đậu tới thôn Ga)	79a/QĐ-UBND ngày 05/10/2015; 20/QĐ-UBND ngày 20/3/2017	944	
	Cải tạo, đường GTNT xã Lương Tài (đoạn từ đường ĐH.10B tới thôn Xuân Đào và đoạn từ đình làng Dinh Khuốc đến nhà ông Lụ)	49/QĐ-UBND ngày 20/10/2015; 35/QĐ-UBND ngày 10/4/2017	1.200	
	<b>HUYỆN YÊN MỸ</b>		<b>6.000</b>	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tân Lập (đoạn từ thôn Thủ Thị đến thôn Liêu Hạ)	61a/QĐ-UBND ngày 15/10/2015	1.200	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Trung Hòa (đoạn qua thôn Thiên Lộc)	46b/QĐ-UBND ngày 02/10/2015; 133/QĐ-UBND ngày 29/12/2016	1.200	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Yên Hòa	180b/QĐ-UBND ngày 15/10/2015; 15/QĐ-UBND ngày 15/3/2017	1.200	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Việt Cường	25a/QĐ-UBND ngày 06/10/2015; 44/QĐ-UBND ngày 09/10/2017	1.200	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Lý Thường Kiệt	60c/QĐ-UBND ngày 13/10/2015; 22C/QĐ-UBND ngày 22/3/2017	1.200	
	<b>HUYỆN VĂN GIANG</b>		<b>6.000</b>	
	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Liên Nghĩa (đoạn từ thôn Phi Liệt đi đê sông Hồng, đoạn từ thôn AB đến đồng đất cao, đoạn từ đường 377 đến nghĩa địa thôn Bá Khê và đoạn từ thôn AB đến thôn CD)	66/QĐ-UBND ngày 14/10/2015; 56/QĐ-UBND ngày 08/5/2017	1.200	
	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Long Hưng (đoạn từ thôn Bạc Thượng tới thôn Bạc Hạ)	89A/QĐ-UBND ngày 02/10/2015; 59/QĐ-UBND ngày 31/5/2017	1.200	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Nghĩa Trụ (đoạn từ thôn Phúc Thọ đến nghĩa trang nhân dân thôn Đồng Tinh)	31/QĐ-UBND ngày 20/10/2015; 82QĐ-UBND ngày 14/8/2017	1.200	
	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Liên Nghĩa (đoạn từ đường 377 đến đường ĐH.26)	67/QĐ-UBND ngày 14/10/2015; 57/QĐ-UBND ngày 08/5/2017	1.200	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư hiện hành	Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
1	2	3	4	5
	Cải tạo, nâng cấp đường trực chính thôn Như Lân, xã Long Hưng	89B/QĐ-UBND ngày 02/10/2015; 60/QĐ-UBND ngày 31/5/2017	1.200	
	<b>HUYỆN PHÙ CỪ</b>		<b>5.660</b>	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Nhật Quang	46a/QĐ-UBND ngày 28/10/2015; 14c/QĐ-UBND ngày	1.500	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Nguyên Hòa	156/QĐ-UBND ngày 27/10/2015; 145/QĐ-UBND ngày 28/11/2016	1.500	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tam Đa	177/QĐ-UBND ngày 26/10/2015; 156/QĐ-UBND ngày 20/12/2016	1.500	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Minh Tiến	24a/QĐ-UBND ngày 02/10/2015; 05/QĐ-UBND ngày 02/02/2017	1.160	
	<b>HUYỆN TIỀN LŨ</b>		<b>6.000</b>	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Lệ Xá	52/QĐ-UBND ngày 25/10/2015; 19/QĐ-UBND ngày	1.891	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Trung Dũng	78/QĐ-UBND ngày 26/10/2015; 14/QĐ-UBND ngày 17/01/2017	2.000	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Cương Chính	97a/QĐ-UBND ngày 26/10/2015; 25/QĐ-UBND ngày 07/02/2017	2.109	
	<b>HUYỆN KHOÁI CHÂU</b>		<b>6.000</b>	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Ông Đình (đoạn từ cầu Bồ Đề đến giềng làng)	38a/QĐ-UBND ngày 03/9/2015; 08/QĐ-UBND ngày 27/2/2017	1.200	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Thành Công (đoạn 1, từ ĐH.53 thôn Hương Quát 2 đến thôn Sài Quát; đoạn 2, từ thôn Sài Quát đến đường liên thôn)	16/QĐ-UBND ngày 26/10/2015; 27/QĐ-UBND ngày 24/5/2017	1.200	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đông Ninh (đoạn từ ĐH.56 đến cuối Nội Doanh)	22b/QĐ-UBND ngày 26/10/2015; 28/QĐ-UBND ngày 22/5/2017	1.200	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tú Dân (đoạn từ dốc đê bến Phương Trù đến ra Bối)	19a/QĐ-UBND ngày 16/10/2015; 34a/QĐ-UBND ngày 22/5/2017	1.200	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Nhuế Dương	51/QĐ-UBND ngày 25/10/2015; 16/QĐ-UBND ngày 15/2/2017	1.200	
	<b>THÀNH PHỐ HƯNG YÊN</b>		<b>5.000</b>	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Liên Phương (đoạn từ ngã tư đường Dụng đến trạm biến áp Liên Phương 11)	90a/QĐ-UBND ngày 01/10/2015	1.000	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư hiện hành	Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
1	2	3	4	5
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phương Chiểu (đoạn từ chợ Vị di bưu điện xã)	34A/QĐ-UBND ngày 21/9/2015	1.000	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Bảo Khê (đoạn 1, từ ngã ba bà Nhã đến bà Thịnh; đoạn 2, từ chợ dốc Lã đến ông Kiên; đoạn 3, từ bà Độ Thom đến ông Dinh Phẳng)	61/QĐ-UBND ngày 19/8/2015	1.000	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tân Hưng (đoạn 1, từ bà Tô đến cổng cầu Tre; đoạn 2, từ quán Trỗn đến ông Phao)	79/QĐ-UBND ngày 26/10/2015	1.000	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phương Chiểu (đoạn từ nhà ông Mến thôn Phương Trung đến nhà ông Học thôn Phương Thượng)	35A/QĐ-UBND ngày 24/9/2015	1.000	
	<b>HUYỆN KIM ĐỘNG</b>		<b>4.800</b>	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hiệp Cường (đoạn từ bờ sông Điện Biên đến nhà ông Toản)	62a/QĐ-UBND ngày 19/10/2015	1.200	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Ngọc Thanh (đoạn từ Trung tâm điều dưỡng tâm thần kinh đến hướng đi cầu sông Tân Hưng)	99/QĐ-UBND ngày 28/10/2015; 41a/QĐ-UBND ngày 10/11/2017	1.200	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hùng An (tuyến 1; từ cổng quán Xoan đến kênh Ngọc Đồng xã Ngọc Thanh; tuyến 2, từ đường bê tông Đồng Bùn thôn Tả Hà đến cổng giữa quán Xoan và cầu Gỗ)	48a/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	1.200	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đồng Thanh (tuyến 1, từ trạm bom cầu Bông đến đầu làng thôn Thanh Sầm; tuyến 2, từ đường máng N3, đến đường bê tông thanh Sầm; tuyến 3, từ đường bê tông của cánh đồng thôn Thái Hòa đến hố rác thôn Thái Hòa)	71A/QĐ-UBND ngày 28/10/2015	1.200	
<b>II</b>	<b>CÔNG TRÌNH/DỰ ÁN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI (Theo Quyết định số 3087/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh)</b>		<b>95.793</b>	
	<b>THÀNH PHỐ HƯNG YÊN</b>		<b>8.200</b>	
	<b>Xã Hùng Cường</b>			
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hùng Cường (đoạn từ điểm giao đường Dốc Lã, thôn Phượng Hoàng đến điểm giao ngõ ông Úy)	93b/QĐ-UBND ngày 15/10/2018	500	
	Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng Trường mầm non khu trung tâm xã Hùng Cường	99a/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	2.000	
	<b>Xã Bảo Khê</b>			
	Nhà văn hóa xã Bảo Khê	133/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	1.000	
	<b>Xã Phú Cường</b>			
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phú Cường (đoạn từ dốc ông Khải đến đường dốc ông Sử)	2653/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	500	
	<b>Xã Quảng Châu</b>			
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Quảng Châu (tuyến 1: từ đèn Hoàng Bà đến cổng ông Miến, thôn 5; Nhánh tuyến 1: từ nhà ông Thành đến nhà ông Cộng, thôn 5; Tuyến 2: từ cổng xóm 8 đến cổng cụ Bường; Tuyến 3: từ ngã ba đầu vườn ông Lã Định đến cổng xóm 10, thôn 5)	754a/QĐ-UBND ngày 15/10/2018	1.500	
	<b>Xã Hoàng Hanh</b>			
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hoàng Hanh (đoạn từ đường công vụ cầu Hưng Hà đến đường ra bến đò Vũ Điện)	2270/QĐ-UBND ngày 21/10/2019	1.000	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hoàng Hanh (đoạn 1, từ ngã 3 nhà ông Luyến đến giáp xã Tân Hưng; đoạn 2, từ ngã 4 chợ đến cổng ông Phố)	2269/QĐ-UBND ngày 21/10/2019	1.000	
	<b>Xã Liên Phương</b>			

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư hiện hành	Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
1	2	3	4	5
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Liên Phương (đoạn từ đường ADB đến trại ông Đại)	2685/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	700	
	<b>HUYỆN TIỀN LŨ</b>		<b>9.500</b>	
	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 10 phòng Trường Tiểu học xã Đức Thắng	74/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	1.000	
	Xây dựng nhà văn hóa thôn An Lạc, xã Đức Thắng	49/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 03/QĐ-UBND ngày 22/02/2019	500	
	<b>Xã Thủ Sỹ</b>			
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Thủ Sỹ (đoạn từ đường bê tông xã Hồng Nam đến ngõ ông Cầu, thôn Lê Bài)	169/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	500	
	<b>Xã Ngô Quyền</b>			
	Xây dựng nhà lớp học 10 phòng Trường THCS Ngô Quyền	1899/QĐ-UBND ngày 16/10/2018	500	
	<b>Xã Trung Dũng</b>			
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Trung Dũng	2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	500	
	<b>Xã Dị Ché</b>			
	Nhà văn hóa xã Dị Ché	83/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	1.000	
	Nhà văn hóa thôn Chẽ Chì, xã Dị Ché	05/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	500	
	<b>Xã Hải Triều</b>			
	Nhà lớp học 2 tầng, 8 phòng Trường mầm non xã Hải Triều	129/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	1.000	
	<b>Xã Cường Chính</b>			
	Xây dựng Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng học Trường THCS xã Cường Chính	86/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	1.000	
	<b>Xã An Viên</b>			
	Xây dựng Trạm Y tế xã An Viên	05/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	500	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã An Viên (đoạn từ Công Tiề Phong, giao với đường ĐH.72 đến đường trục phía Bắc)	1988/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	1.000	
	<b>Xã Thụy Lôi</b>			
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Thụy Lôi	943/QĐ-UBND ngày 14/6/2019	1.500	
	<b>HUYỆN PHÙ CỨ</b>		<b>7.900</b>	
	<b>Xã Nhật Quang</b>			
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Nhật Quang (Đoạn 1, từ ĐH.80 đến công Trường tiểu học; Đoạn 2, từ ĐH.64 đến Chùa Bà; Đoạn 3, từ nhà ông Huệ đến Trường THPT Phù Cử)	91/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	2.000	
	<b>Xã Tam Đa</b>			
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tam Đa (Đoạn từ đường 386 đến nhà ông Lưu thôn Ngũ Phúc, cánh đồng Ngói)	81/QĐ-UBND ngày 27/10/2018	2.500	
	<b>Xã Tống Trần</b>			
	Cải tạo, nâng cấp kênh muồng vùng bãi tại các thôn: An Cầu và Võng Phan, xã Tống Trần	102/QĐ-UBND ngày 23/8/2019	500	
	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Tống Trần (đường giao thông vùng bãi tại các thôn: An Cầu và Võng Phan)	101/QĐ-UBND ngày 23/8/2019	500	
	<b>Xã Nguyên Hòa</b>			
	Nhà lớp học bộ môn 2 tầng, 6 phòng Trường THCS Nguyên Hòa	5082/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	1.500	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư hiện hành	Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
1	2	3	4	5
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Nguyên Hòa (Đoạn từ dốc đê thôn Thị Giang đến sân bóng thôn Hạ Đồng)	5098/QĐ-UBND ngày 26/10/2018; 16/QĐ-BQLDA ngày 05/01/2019	900	
	<b>HUYỆN ÂN THI</b>		<b>11.900</b>	
	<b>Xã Tiên Phong</b>			
	Nhà văn hóa xã Tiên Phong	76/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	1.000	
	<b>Xã Đa Lộc</b>			
	Xây dựng Nhà lớp học 2 tầng, 10 phòng Trường Tiểu học xã Đa Lộc	113a/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	1.500	
	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn (GTNT) thôn Bình Nguyên, xã Đa Lộc	4393b/QĐ-UBND ngày 01/11/2018	500	
	<b>Xã Văn Nhuệ</b>			
	Nhà văn hóa xã Văn Nhuệ	93B/QĐ-UBND ngày 27/10/2018	1.000	
	<b>Xã Hồng Quang</b>			
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hồng Quang (đoạn từ nhà ông Quang đến Đồng Chuột, thôn Vũ Dương)	40/QĐ-UBND ngày 21/10/2019	1.000	
	<b>Xã Hồ Tùng Mậu</b>			
	12 Phòng học Trường THCS Hồ Tùng Mậu	4387b/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	500	
	<b>Xã Hồng Vân</b>			
	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường Tiểu học xã Hồng Vân	82/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	500	
	<b>Xã Xuân Trúc</b>			
	Nhà lớp học 2 tầng, 12 phòng Trường THCS xã Xuân Trúc	282a/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	500	
	Nhà lớp học 2 tầng, 12 phòng Trường Tiểu học xã Xuân Trúc	279c/QĐ-UBND ngày 15/10/2018	500	
	<b>Xã Đào Dương</b>			
	Nhà văn hóa xã Đào Dương	36/QĐ-UBND ngày 14/8/2019	500	
	<b>Xã Hạ Lê</b>			
	Nhà văn hóa thôn 5, xã Hạ Lê	44/QĐ-UBND ngày 08/10/2018	500	
	<b>Xã Quảng Lãng</b>			
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Quảng Lãng (đoạn từ thôn Bình Cầu 1 đến đường 62 và đoạn từ UBND xã đến trạm y tế xã)	65/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	500	
	Xây dựng công trình nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường THCS xã Quảng Lãng	66/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	500	
	<b>Xã Quang Vinh</b>			
	Xây dựng Nhà lớp học 8 phòng học - Trường Tiểu học xã Quang Vinh	155/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	500	
	<b>Xã Bắc Sơn</b>			
	Cải tạo, nâng cấp đường trực chính xã Bắc Sơn (đoạn 1: từ đường bê tông cũ gần ĐT.384 đến điểm giao với đường ra bãi rác thôn An Đỗ; đoạn 2: từ điểm lớp mầm non thôn An Khái đến ĐT.382)	4318b/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	1.400	
	<b>Xã Cẩm Ninh</b>			
	Xây dựng Nhà lớp học 6 phòng học, Trường THCS xã Cẩm Ninh	60/QĐ-UBND ngày 23/9/2019	500	
	<b>Xã Bãi Sậy</b>			
	Xây dựng Nhà lớp học 8 phòng học Trường tiểu học xã Bãi Sậy	41a/QĐ-UBND ngày 20/9/2019	500	
	<b>HUYỆN KIM ĐỘNG</b>			
	<b>Xã Phạm Ngũ Lão</b>		<b>10.200</b>	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư hiện hành	Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
1	2	3	4	5
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phạm Ngũ Lão (đoạn 1, từ đầu đường 38 đến cổng Chân Tràng; đoạn 2, từ cổng Chân Tràng đến đường Nghè)	86d/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	500	
	<b>Xã Nhân La</b>			
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Nhân La (đoạn từ cây đa mả chết đến cánh đồng chè)	77a/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	500	
	<b>Xã Ngọc Thành</b>			
	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 8 phòng - Trường Tiểu học xã Ngọc Thành	12/QĐ-UBND ngày 02/8/2019	500	
	<b>Xã Thọ Vinh</b>			
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Thọ Vinh (đoạn từ ngã tư chợ đến đường 378)	52A1/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	1.000	
	Xây dựng Nhà văn hóa xã Thọ Vinh	52B/QĐ-UBND ngày 10/12/2018	500	
	<b>Xã Vũ Xá</b>			
	Xây dựng Nhà văn hóa xã Vũ Xá	45b/QĐ-UBND ngày 07/12/2018	1.000	
	Xây dựng Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng - Trường Tiểu học xã Vũ Xá	43b/QĐ-UBND ngày 05/12/2018	1.000	
	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 8 phòng - Trường THCS xã Vũ Xá	43c/QĐ-UBND ngày 05/12/2018	1.000	
	<b>Xã Mai Động</b>			
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Mai Động (đoạn từ cây xăng đến ngã ba đường Vùng)	55b/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	500	
	Nhà văn hóa xã Mai Động	42/QĐ-UBND ngày 18/11/2018	500	
	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 8 phòng - Trường THCS xã Mai Động	56/QĐ-UBND ngày 05/12/2018	500	
	<b>Xã Nghĩa Dân</b>			
	Xây dựng Nhà lớp học 2 tầng, 8 phòng Trường THCS xã Nghĩa Dân	67/QĐ-UBND ngày 21/5/2019	900	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Nghĩa Dân (đoạn từ Đường Cao ra Đồng Bãi, đoạn từ Lăng đến Đồng Dờ và đoạn từ đường liên xã đến bờ sông Điện Biên)	86b/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	800	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Nghĩa Dân (tuyến 1: từ đường Đồng Lâm đi đường trực xã đến bờ sông Điện Biên; tuyến 2: từ đường Sép Hàng đi từ đường trực xã đến bờ sông Điện Biên)	97/QĐ-UBND ngày 29/7/2019	500	
	<b>Xã Toàn Thắng</b>			
	Xây dựng Nhà lớp học 2 tầng, 8 phòng -Trường Tiểu học xã Toàn Thắng	92C/QĐ-UBND ngày 04/12/2018	500	
	<b>HUYỆN KHOÁI CHÂU</b>			<b>15.401</b>
	<b>Xã Thuần Hưng</b>			
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Thuần Hưng (đoạn từ nhà ông Năng thôn 3 đi nhà ông Vẽ thôn 1 và kiên cố hóa kênh mương dọc tuyến)	68/QĐ-UBND ngày 27/9/2019	1.500	
	<b>Xã Nhuế Dương</b>			
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Nhuế Dương (đoạn 1, từ ĐH.59 đến đầu Làng Quan Xuyên; đoạn 2, nối từ đường Làng Quan Xuyên đến đầu Làng thôn Sài Quát)	02/QĐ-UBND ngày 06/8/2019	500	
	<b>Xã Đại Tập</b>			
	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường THCS xã Đại Tập	05/QĐ-UBND ngày 03/8/2019	500	
	<b>Xã Thành Công</b>			
	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường THCS xã Thành Công	06/QĐ-UBND ngày 05/7/2019	500	
	<b>Xã Bình Kiều</b>			

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư hiện hành	Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
1	2	3	4	5
	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng Trường mầm non khu trung tâm xã Bình Kiều	278d/QĐ-UBND ngày 12/02/2019	700	
	Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng Trường THCS xã Bình Kiều	278C/QĐ-UBND ngày 11/02/2019	1.000	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Bình Kiều (đoạn từ nhà ông Lưu, thôn An Cảnh đến nhà ông Hòa Đon, thôn Ninh Vũ)	229A/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	600	
	<b>Xã Tân Dân</b>			
	Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng Trường Tiểu học xã Tân Dân	23E/QĐ-UBND ngày 18/02/2019	1.500	
	<b>Xã Hàm Tử</b>			
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hàm Tử (đoạn từ nhà ông Chiền đến đường ĐH.54)	36B/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	500	
	<b>Xã Tú Dân</b>			
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tú Dân (đoạn từ cổng 3 ngách đến đầu ruộng nhà ông Huy gốc Lim)	65/QĐ-UBND ngày 26/9/2019	500	
	Nhà văn hóa xã Tú Dân	39/QĐ-UBND ngày 08/8/2019	500	
	<b>Xã Đông Tảo</b>			
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đông Tảo	71/QĐ-UBND ngày 28/8/2019	601	
	Nhà lớp học 2 tầng, 6 phòng Trường THCS xã Đông Tảo	56A/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	500	
	<b>Xã Chí Tân</b>			
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Chí Tân (đoạn từ nhà Tuyết Doãn, thôn Nghi Xuyên đến nhà ông Hợi, thôn Cốc Phong)	66/QĐ-UBND ngày 26/9/2019	500	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Chí Tân (đoạn từ quán ông Hời đến ĐH.51; đoạn từ Trạm Y tế xã đi bãi rác Tân Hưng)	65/QĐ-UBND ngày 26/9/2019	500	
	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng Trường Tiểu học xã Chí Tân	48/QĐ-UBND ngày 07/8/2019	500	
	<b>Xã Việt Hòa</b>			
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Việt Hòa (đoạn từ đường WB đến bờ sông Tây Tân Hưng)	5808/QĐ-UBND ngày 14/10/2019	500	
	<b>Xã Đông Kết</b>			
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đông Kết (đoạn từ Trường THCS Đông Kết đến đường ĐT.383)	5807/QĐ-UBND ngày 14/10/2019	500	
	<b>Xã Hồng Tiến</b>			
	Nhà lớp học 3 tầng 6 phòng Trường THCS xã Hồng Tiến	68/QĐ-UBND ngày 08/8/2019	1.000	
	<b>Xã Phùng Hưng</b>			
	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng học Trường THCS xã Phùng Hưng	60/QĐ-UBND ngày 04/10/2019	500	
	<b>Xã Đồng Tiến</b>			
	Nhà văn hóa thôn Thỏ Khối xã Đồng Tiến	07/QĐ-UBND ngày 26/6/2018	300	
	Nhà văn hóa thôn Kim Tháp xã Đồng Tiến	05/QĐ-UBND ngày 28/6/2018	300	
	<b>Xã Dạ Trạch</b>			
	Trường mầm non xã Dạ Trạch	48b/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	1.400	
	<b>HUYỆN YÊN MỸ</b>			<b>11.892</b>
	<b>Xã Đồng Than</b>			
	Xây dựng công trình Nhà lớp học 3 tầng 8 phòng Trường THCS xã Đồng Than	152/QĐ-UBND ngày 30/9/2019	1.500	
	Xây dựng công trình Nhà lớp học 8 phòng Trường mầm non xã Đồng Than	151/QĐ-UBND ngày 27/9/2019	1.000	
	<b>Xã Yên Phú</b>			

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư hiện hành	Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
1	2	3	4	5
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT các thôn: Mẽ Thượng, Mẽ Hạ, Bình Phú, Tân Phú, Từ Hồ và rãnh thoát nước thôn Từ Tây, xã Yên Phú	139a/QĐ-UBND ngày 18/12/2018	1.000	
	<b>Xã Hoàn Long</b>			
	Nhà lớp học 2 tầng 12 phòng Trường Tiểu học xã Hoàn Long	53B/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	1.000	
	<b>Xã Lý Thường Kiệt</b>			
	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng Trường Tiểu học xã Lý Thường Kiệt	76a/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	500	
	Xây dựng công trình Nhà lớp học 10 phòng Trường mầm non xã Lý Thường Kiệt	104/QĐ-UBND ngày 27/9/2019	1.000	
	<b>Xã Tân Việt</b>			
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tân Việt (thôn Yên Đô)	125b/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	1.500	
	Nhà văn hóa thôn Lãng Cầu, xã Tân Việt	125c/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	500	
	<b>Xã Yên Hòa</b>			
	Xây dựng công trình Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng học Trường Tiểu học xã Yên Hòa	186/QĐ-UBND ngày 30/9/2019	1.000	
	<b>Xã Minh Châu</b>			
	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường Tiểu học xã Minh Châu	120b/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	1.000	
	<b>Xã Liêu Xá</b>			
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Liêu Xá	81b/QĐ-UBND ngày 27/9/2019	1.000	
	<b>Xã Tân Lập</b>			
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tân Lập	36b/QĐ-UBND ngày 28/4/2019	892	
	<b>HUYỆN MỸ HÀO (NAY LÀ THỊ XÃ MỸ HÀO)</b>		8.500	
	<b>Xã Minh Đức (nay là Phường Minh Đức)</b>			
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Minh Đức (Đoạn 1, từ ĐH.31 đến cổng T12; Đoạn 2, từ QL5 đến ông Phục, thôn Phong Cốc; Đoạn 3, từ cổng trạm y tế xã đến ông Phương, thôn Sài Phi)	104b/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	1.000	
	<b>Xã Hòa Phong</b>			
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hòa Phong (Đoạn 1, từ ĐH.31 đến kenh T12 đồng H; Đoạn 2, từ kenh Văn Lâm đến cánh đồng Sắn; Đoạn 3, từ cổng tiêu Phúc Lâm đến kenh Văn Lâm; Đoạn 4, từ đường bê tông đến kenh T12)	76M/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	1.400	-
	<b>Xã Bạch Sam (nay là Phường Bạch Sam)</b>			
	Trạm y tế xã Bạch Sam	39/QĐ-UBND ngày 15/5/2019	500	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT phường Bạch Sam (đoạn từ nhà ông Khoa đến nhà ông Họa TDP Đẹp và đoạn từ nhà ông Họa đến nhà ông Toản, TDP Phan)	98/QĐ-UBND ngày 30/9/2019	1.500	
	<b>Xã Ngọc Lâm</b>			
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Ngọc Lâm (thôn Phúc Bổ: đoạn từ đường Kim Sơn đến cổng ông Đàm; đoạn từ đường Kim Sơn đến bãi rác Phúc Bổ)	49/QĐ-UBND ngày 16/10/2019	400	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Ngọc Lâm (Đoạn 1, thôn Vô Ngai: đoạn từ gần bãi rác thôn Vô Ngai đến gần đê Kim Sơn; Đoạn 2, thôn Vô Ngai, đoạn từ đê Kim Sơn đến cánh đồng; Đoạn 3, thôn Vô Ngai, đoạn trên cánh đồng Bồng; Đoạn 4, đoạn từ ngã tư Phố Ngái đến Trạm bơm Phúc Bổ; Đoạn 5, đoạn từ nhà ông Hùng thôn Vô Ngai đến cánh đồng Xuân Dục; Đoạn 6, đoạn từ ngã tư Phố Ngái đến Nho Lâm)	74A/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	1.500	
	<b>Xã Phùng Chí Kiên (nay là Phường Phùng Chí Kiên)</b>			

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư hiện hành	Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
1	2	3	4	5
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phùng Chí Kiên (đoạn từ Cầu Máng nối đến Khu giãn dân thôn Đào Du) <b>Xã Hưng Long</b>	63/QĐ-UBND ngày 02/10/2019	200	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hưng Long (Đoạn 1, thôn Tân Hưng: từ ruộng ông Thường đến mương Trần Thành Ngó; Đoạn 2, thôn Thuần Xuyên: từ cánh đồng tốt đến trại Kích; Đoạn 3, thôn Tân Hưng, từ đường 387 đến nhà ông Hiền; Đoạn 4, thôn Vinh Quang: từ gần nhà ông Việt đến đê Kim Sơn; Đoạn 5, từ nhà ông Khoa đến đường bê tông; Đoạn 6, từ nhà trẻ Đồng Thanh đến nhà bà Lán Điền)	30d/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	2.000	
	<b>HUYỆN VĂN LÂM</b> <b>Xã Đình Dù</b>		6.600	
	Nhà lớp học 2 tầng, 10 phòng Trường mầm non xã Đình Dù	60/QĐ-UBND ngày 07/8/2019	1.000	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đình Dù	73/QĐ-UBND ngày 01/10/2019	1.000	
	<b>Xã Minh Hải</b>			
	Nhà lớp học 2 tầng 12 phòng Trường Tiểu học Minh Hải	348E/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	1.200	
	<b>Xã Chi Đạo</b>			
	Nhà lớp học Trường Tiểu học Chi Đạo	153H/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	1.200	
	<b>Xã Việt Hưng</b>			
	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường THCS xã Việt Hưng	98/QĐ-UBND ngày 22/10/2018	1.500	
	<b>Xã Tân Quang</b>			
	Cải tạo nâng cấp đường trực xã Tân Quang, huyện Văn Lâm (đoạn từ UBND xã đến Chùa Tăng Bảo)	89A/QĐ-UBND ngày 05/10/2018	700	
	<b>HUYỆN VĂN GIANG</b>		5.700	
	<b>Xã Long Hưng</b>			
	Nhà lớp học B (2 tầng 10 phòng), Nhà lớp học C (2 tầng 10 phòng) và hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Long Hưng	31A/QĐ-UBND ngày 30/3/2018	1.500	
	<b>Xã Xuân Quan</b>			
	Nhà lớp học 3 tầng 15 phòng Trường THCS xã Xuân Quan	06/QĐ-UBND ngày 08/8/2019	1.500	
	<b>Xã Mẽ Sờ</b>			
	Cải tạo, nâng cấp đường từ thôn Phú Thị nối đường ĐH.25	108a/QĐ-UBND ngày 30/8/2019	500	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Mẽ Sờ (đoạn từ Hoàng Trạch đi T4)	81/QĐ-UBND ngày 05/8/2019	500	
	<b>Xã Vĩnh Khúc</b>			
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Vĩnh Khúc (đường trực chính xã, đoạn qua thôn Giáp Phòng)	96c/QĐ-UBND ngày 11/10/2018	1.000	
	<b>Xã Cửu Cao</b>			
	Nhà lớp học 3 tầng 6 phòng Trường THCS xã Cửu Cao	99/QĐ-UBND ngày 08/8/2019	700	
<b>III</b>	<b>HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 2261/QĐ-TTg NGÀY 15/12/2014 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ</b>		32.350	
1	Xây dựng kết cấu hạ tầng hợp tác xã nuôi trồng thủy sản xã Hạ Lễ, huyện Ân Thi	49/QĐ-UBND ngày 17/9/2019	5.800	
2	Xây dựng kết cấu hạ tầng hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp tổng hợp xã Yên Phú, huyện Yên Mỹ	108/QĐ-UBND ngày 16/9/2019	4.500	
3	Xây dựng kết cấu hạ tầng hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ	168/QĐ-UBND ngày 17/9/2019	8.350	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư hiện hành	Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
1	2	3	4	5
4	Xây dựng kết cầu hạ tầng hợp tác xã hoa cây cảnh xã Xuân Quan, huyện Văn Giang	111/QĐ-UBND ngày 16/9/2019	8.200	
5	Xây dựng kết cầu hạ tầng hợp tác xã nông nghiệp Thắng Lợi, xã Tam Đa, huyện Phù Cừ	72/QĐ-UBND ngày 16/9/2019	5.500	

**Phụ lục số 07**

**KẾ HOẠCH PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA  
NĂM 2020**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 238/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chương trình, dự án	Kế hoạch vốn năm 2020	Đơn vị thực hiện
	<b>Chương trình MTQG XD Nông thôn mới</b>	<b>44.200</b>	
1	Hỗ trợ phát triển sản xuất, ngành nghề nông thôn	2.000	
	<i>Hỗ trợ phát triển sản xuất, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm (Hỗ trợ hợp tác xã sản xuất, dịch vụ chăn nuôi, cung ứng rau quả và cây dược liệu)</i>	<i>1.000</i>	<i>Chi Cục Phát triển nông thôn (Sở NN&amp;PTNT)</i>
	<i>Dự án mô hình tiêu thụ nông sản</i>	<i>-</i>	
	<i>Chương trình mỗi xã một sản phẩm (tuyên truyền, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức)</i>	<i>500</i>	<i>Chi Cục Phát triển nông thôn (Sở NN&amp;PTNT)</i>
	<i>Hỗ trợ chi phí mua bao bì, nhãn mác sản phẩm</i>	<i>500</i>	<i>Sở Công thương</i>
2	Hỗ trợ đào tạo, dạy nghề cho lao động nông thôn	1.500	Sở Lao động TB&XH
	<i>Hỗ trợ cơ sở dạy nghề</i>		
	<i>Hỗ trợ đào tạo, dạy nghề cho lao động nông thôn</i>	<i>1.500</i>	<i>Sở Lao động TB&amp;XH</i>
3	Bồi dưỡng cán bộ, công chức xã	1.200	Sở Nội vụ
4	Hỗ trợ phổ cập giáo dục mầm non, duy trì kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở.	38.000	Sở Giáo dục &ĐT
	<i>Hỗ trợ trang thiết bị giáo dục các trường mầm non</i>	<i>10.000</i>	
	<i>Hỗ trợ trang thiết bị giáo dục các trường tiểu học (thiết bị dùng chung, phòng học tương tác đa năng theo nội dung tại Quyết định số 1098/QĐ-UBND ngày 13/5/2019 của UBND tỉnh)</i>	<i>14.000</i>	
	<i>Hỗ trợ trang thiết bị giáo dục các trường THCS (thiết bị dùng chung, phòng học tương tác đa năng theo nội dung tại Quyết định số 1098/QĐ-UBND ngày 13/5/2019 của UBND tỉnh Hưng</i>	<i>14.000</i>	
5	Hỗ trợ công tác phòng, chống tệ nạn xã hội, an ninh nông thôn	500	Công an tỉnh
	<i>Xây dựng 10 mô hình khu dân cư tự quản</i>	<i>500</i>	
6	Hỗ trợ trang thiết bị phục vụ hoạt động chuyên môn của thiết chế văn hóa	1.000	Sở Văn hóa TT&DL

Phụ lục số 08

**DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2020**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư	Kế hoạch vốn NSTW năm 2020				Ghi chú
			Tổng số vốn	Nguồn vốn trong nước	Nguồn dự phòng chung	Nguồn vốn nước ngoài	
1	2	3	4	5	6	7	8
	<b>TỔNG SỐ</b>		<b>330.500</b>	<b>197.700</b>	<b>30.000</b>	<b>102.800</b>	
A	<b>CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU</b>		<b>227.700</b>	<b>197.700</b>	<b>30.000</b>		
I	<b>CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CÁC VÙNG</b>		<b>182.900</b>	<b>152.900</b>	<b>30.000</b>		
a	<b>Dự án hoàn thành năm 2020</b>		<b>82.800</b>	<b>82.800</b>			
1	Xây dựng Kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh Hưng Yên	2367/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	5.000	5.000			UBND tỉnh chỉ giao chi tiết cho dự án khi đã đảm bảo đủ thủ tục đầu tư và điều kiện giao vốn theo quy định
2	Dự án cải tạo, nâng cấp ĐT.387 (Lương Tài - Bãi Sậy)	2541/QĐ-UBND ngày 19/9/2017	60.000	60.000			
3	Dự án Cải tạo, nạo vét hệ thống công trình sau đầu mối trạm bơm La Tiễn, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên	3024/QĐ-UBND ngày 25/12/2018	4.800	4.800			
4	Dự án Đường vành đai V vùng thủ đô Hà Nội trên địa phận tỉnh Thái Bình với QL38 và cao tốc Hà Nội - Hải Phòng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	2586/QĐ-UBND ngày 26/9/2017	8.000	8.000			
5	Dự án Cải tạo, nâng cấp đường và kè bờ khu vực sông Ké Sặt, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	2575/QĐ-UBND ngày 26/9/2017	5.000	5.000			
b	<b>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2020</b>		<b>100.100</b>	<b>70.100</b>	<b>30.000</b>		
1	Dự án nâng cấp đường dọc sông, kè chống sạt lở và nạo vét sông Cầu Treo, huyện Yên Mỹ	1010/QĐ-UBND ngày 26/4/2019	20.100	20.100			
2	Dự án cải tạo, nâng cấp đường ĐH.17 kéo dài đến ĐT.379 và chỉnh trang hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu tưởng niệm đồng chí Tô Hiệu và đồng chí Lê Văn Lương	2587/QĐ-UBND ngày 26/9/2017	80.000	50.000	30.000		
II	<b>CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ THỦY SẢN BỀN VỮNG</b>		<b>9.000</b>	<b>9.000</b>			
	<b>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2020</b>		<b>9.000</b>	<b>9.000</b>			
1	Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng khu nuôi trồng thủy sản huyện Ân Thi	2577/QĐ-UBND ngày 26/9/2017	9.000	9.000			

TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư	Kế hoạch vốn NSTW năm 2020				Ghi chú
			Tổng số vốn	Nguồn vốn trong nước	Nguồn dự phòng chung	Nguồn vốn nước ngoài	
1	2	3	4	5	6	7	8
III	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU TÁI CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÒNG CHỐNG GIẢM NHẸ THIÊN TAI, ÔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG DÂN CƯ		9.400	9.400			
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trước năm 2020		6.000	6.000			
1	Dự án tái định cư xã Bình Minh, huyện Khoái Châu	2684/QĐ-UBND ngày 26/11/2019	6.000	6.000			
b	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2020		3.400	3.400			
1	Dự án Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới cơ sở hạ tầng Trung tâm Giống cây trồng, vật nuôi tỉnh Hưng Yên	2583/QĐ-UBND ngày 26/9/2017	3.400	3.400			
IV	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG Y TẾ ĐỊA PHƯƠNG		6.000	6.000			
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2020		6.000	6.000			
1	Dự án nâng cấp, mở rộng và mua sắm trang thiết bị y tế Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Hưng Yên	2581/QĐ-UBND ngày 26/9/2017	6.000	6.000			
V	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU Y TẾ - DÂN SỐ		12.600	12.600			
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2020		12.600	12.600			
1	Dự án Trung tâm phòng, chống HIV/AIDS và các bệnh nhiệt đới tỉnh Hưng Yên	2580/QĐ-UBND ngày 26/9/2017	12.600	12.600			
VI	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG DU LỊCH		7.800	7.800			
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2020		7.800	7.800			
1	Dự án Cải tạo, nâng cấp hạ tầng du lịch quần thể di tích Phố Hiến, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên (hạng mục: Đường giao thông và kè hờ)	2584/QĐ-UBND ngày 26/9/2017	7.800	7.800			
B	DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NƯỚC NGOÀI		102.800			102.800	
I	LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ		102.800			102.800	
1	Dự án Phát triển toàn diện kinh tế xã hội các đô thị Việt Trì, Hưng Yên và Đồng Đăng - hợp phần dự án tại thành phố Hưng Yên	2080/QĐ-UBND ngày 17/9/2019	80.000			80.000	
2	Dự án phát triển cơ sở hạ tầng thủy lợi huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	2381/QĐ-UBND ngày 30/12/2011	22.800			22.800	